

Số: /QĐ-ĐHH

Huế, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn trình độ đại học hệ chính quy của Trường Du lịch – Đại học Huế**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

*Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính Phủ về việc thành lập Đại học Huế;*

*Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDDT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐHH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng đại học Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 14/NQ-HĐĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HĐĐH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc thành lập Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ủy quyền cho Ông Trần Hữu Tuấn, Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế, được ký thừa ủy quyền và đóng dấu Đại học Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-ĐHH ngày 26 tháng 08 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn hệ chính quy trình độ đại học sau khi rà soát, cập nhật của Trường Du lịch – Đại học Huế;*

*Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn trình độ đại học hệ chính quy của Trường Du lịch – Đại học Huế.

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm học 2025 – 2026 trở về sau.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đại học Huế, Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế, Phụ trách Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Phụ trách Khoa Quản trị khách sạn – Nhà hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- PGĐ phụ trách ĐHH (để báo cáo);
- Lưu: VT, TDL, CTMN.

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DU LỊCH**

**Trần Hữu Tuấn**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN**  
(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-ĐHH ngày        tháng        năm 2026  
của Giám đốc Đại học Huế)

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

|                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên chương trình (Tiếng Việt)                                     | <b>QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Tên chương trình (Tiếng Anh)                                      | <b>TOURISM AND HOSPITALITY MANAGEMENT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Mã ngành                                                          | 7810104                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Trường cấp bằng                                                   | Đại học Huế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Tên gọi văn bằng                                                  | Cử nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Trình độ đào tạo                                                  | Đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Số tín chỉ yêu cầu                                                | 124/176 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Hình thức đào tạo                                                 | Đào tạo chính quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Thời gian đào tạo                                                 | Từ 3 đến 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh                    | Thực hiện theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Thang điểm đánh giá                                               | Sử dụng thang điểm theo quy định trong quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ hiện hành (của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Điều kiện tốt nghiệp                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>– Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.</li><li>– Tích lũy số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo.</li><li>– Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.</li><li>– Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.</li><li>– Có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tương đương theo quy định hiện hành của Đại học Huế.</li><li>– Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.</li><li>– Đạt chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin.</li></ul> |
| Thời gian thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo | Tháng 8/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, vững vàng về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc về lĩnh vực quản lý du lịch và kinh doanh khách sạn trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; có năng lực sáng tạo, tự học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tiễn; có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức

và trách nhiệm với xã hội.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị du lịch và khách sạn là trang bị và hình thành cho người học:

### 2.2.1. Kiến thức

PO1. Trang bị cho người học kiến thức về thế giới quan, lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, pháp luật Việt Nam và các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, ngoại ngữ và tin học và thực tiễn ngành du lịch và khách sạn;

PO2. Cung cấp cho người học kiến thức tổng hợp về khoa học quản lý, phương pháp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo – khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số trong quản lý phát triển du lịch và kinh doanh khách sạn theo hướng bền vững;

PO3. Trang bị kiến thức chuyên sâu cho người học để vận dụng linh hoạt giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và khách sạn, thích ứng với môi trường kinh doanh biến động.

### 2.2.2. Kỹ năng

PO4. Rèn luyện cho người học các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp; kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc độc lập, theo nhóm trong môi trường làm việc hiện đại;

PO5. Xây dựng cho người học kỹ năng về nghiên cứu, khám phá kiến thức; kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống, tư duy phản biện; kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề linh hoạt, sáng tạo để có khả năng quản lý, điều hành hoặc thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

### 2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO6. Hình thành cho người học phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân, ý thức tự chủ không ngừng hoàn thiện bản thân; tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội.

## 3. Chuẩn đầu ra

### 3.1. Kiến thức

| Ký hiệu PLO | Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)                                                                                                                                    | Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)                                                                                                                                                                                                           | Trình độ năng lực |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| PLO1        | Vận dụng được các kiến thức về thế giới quan, lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nhận diện và diễn giải các vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp. | PI1.1. Giải thích được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp. | 4                 |
|             |                                                                                                                                                                                         | PI1.2. Áp dụng kiến thức toán thống kê kinh tế trong phân tích và quản lý hoạt động nghề nghiệp du lịch – khách sạn                                                                                                                              | 4                 |
|             |                                                                                                                                                                                         | PI1.3. Vận dụng kiến thức pháp luật, xã hội, môi trường và tâm lý học để nhận diện và giải quyết vấn đề trong cuộc sống và nghề nghiệp                                                                                                           | 4                 |

|             |                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                           |   |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| <b>PLO2</b> | Vận dụng kiến thức kinh tế, khoa học quản lý, để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch – khách sạn một cách khoa học, theo hướng bền vững, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế.              | PI2.1. Giải thích sự thay đổi của các hiện tượng kinh tế - xã hội dựa trên kiến thức kinh tế học một cách khoa học                                                                        | 4 |
|             |                                                                                                                                                                                                    | PI2.2. Vận dụng kiến thức về khoa học quản lý để phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề trong tổ chức hoặc doanh nghiệp theo hướng bền vững, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế.   | 4 |
| <b>PLO3</b> | Vận dụng các kiến thức về quản lý, quy hoạch, marketing trong phát triển du lịch                                                                                                                   | PI3.1. Phân tích đánh giá tiềm năng điểm đến, dự án và xu hướng phát triển du lịch                                                                                                        | 4 |
|             |                                                                                                                                                                                                    | PI3.2. Vận dụng nguyên lý marketing để xây dựng kế hoạch quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch                                                                                          | 4 |
| <b>PLO4</b> | Vận dụng kiến thức về quản trị vận hành, các lĩnh vực chức năng của quản trị doanh nghiệp và nghiệp vụ để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn một cách linh hoạt, sáng tạo | PI4.1. Phân tích và vận dụng kiến thức quản trị vận hành, nhân sự, tài chính, kế toán và marketing trong giải quyết các tình huống doanh nghiệp du lịch – khách sạn                       | 4 |
|             |                                                                                                                                                                                                    | PI4.2. Xác định và vận dụng đúng các quy trình, nguyên tắc, tiêu chuẩn và nghiệp vụ trong môi trường nghề nghiệp du lịch – khách sạn                                                      | 4 |
| <b>PLO5</b> | Vận dụng kiến thức công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số một cách an toàn, hiệu quả, có trách nhiệm để giải quyết vấn đề trong cuộc sống và nghề nghiệp                                  | PI5.1. Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin và công nghệ số cơ bản trong học tập, công việc và cuộc sống hằng ngày                                                                      | 4 |
|             |                                                                                                                                                                                                    | PI5.2. Vận dụng được các công cụ số và AI để hỗ trợ tư duy, khám phá, học hỏi và giải quyết vấn đề theo các nguyên tắc đạo đức và minh bạch                                               | 4 |
|             |                                                                                                                                                                                                    | PI5.3. Vận dụng giải pháp quản lý hệ thống thông tin, chuyển đổi số cho hoạt động marketing, quản lý kinh doanh, phân tích dữ liệu và dự báo xu hướng trong lĩnh vực du lịch – khách sạn. | 4 |
| <b>PLO6</b> | Đánh giá và lựa chọn các giải pháp trong hoạch định chiến lược kinh doanh, tối ưu doanh thu và quản lý hệ                                                                                          | PI6.1. Đánh giá và lựa chọn giải pháp phù hợp về quản lý chuỗi khách sạn và chuỗi cung ứng du lịch – khách sạn                                                                            | 5 |

|             |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                        |   |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|             | thống trong ngành du lịch – khách sạn.                                                                                                                                                                                          | PI6.2. Đánh giá và lựa chọn giải pháp phù hợp tối ưu doanh thu và chiến lược kinh doanh du lịch – khách sạn                                                                            | 5 |
| <b>PLO7</b> | Đánh giá và khuyến nghị giải pháp cho các vấn đề về lý thuyết, thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý du lịch, kinh doanh khách sạn và thực hiện nhiệm vụ, chức năng nghề nghiệp trong môi trường thực tế một cách độc lập, khoa học. | PI7.1. Đánh giá và khuyến nghị được giải pháp xử lý các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong các nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý du lịch, kinh doanh khách sạn đảm bảo tính khoa học. | 5 |
|             |                                                                                                                                                                                                                                 | PI7.2. Thực hiện nhiệm vụ, chức năng nghề nghiệp tại doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch – khách sạn một cách độc lập hoặc phối hợp.                                                   | 5 |

### 3.2. Kỹ năng

| Ký hiệu PLO | Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)                                                                                                    | Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trình độ năng lực |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>PLO8</b> | Vận dụng linh hoạt kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong cuộc sống và nghề nghiệp                           | PI8.1. Vận dụng linh hoạt ngoại ngữ trong giao tiếp, thuyết trình, đọc hiểu tài liệu, soạn thảo văn bản trong cuộc sống và bối cảnh nghề nghiệp du lịch và khách sạn (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo quy định chung của Đại học Huế).                     | 4                 |
|             |                                                                                                                                                         | PI8.2. Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch và khách sạn (đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương). | 4                 |
| <b>PLO9</b> | Vận dụng thành thạo kỹ năng mềm, kỹ năng tư duy, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp và phát triển bản thân | PI9.1. Vận dụng thành thạo kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống, phân biện, sáng tạo để giải quyết vấn đề một cách khoa học, linh hoạt trong lĩnh vực du lịch và khách sạn                                                                                                                                                             | 4                 |
|             |                                                                                                                                                         | PI9.2. Vận dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc độc lập và thích ứng trong môi trường đa văn hóa, đa dạng của ngành du lịch – khách sạn.                                                                                                                                                            | 4                 |

|              |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                    |   |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|              |                                                                                                   | PI9.3. Vận dụng thành thạo kỹ năng tìm kiếm thông tin, tự học, tự nghiên cứu để cập nhật kiến thức, xây dựng tư duy đổi mới, sáng tạo và ứng dụng tri thức mới trong lĩnh vực du lịch - khách sạn. | 4 |
| <b>PLO10</b> | Vận dụng thành thạo kỹ năng và nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị du lịch – khách sạn. | PI10.1. Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và ra quyết định để điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh – dịch vụ du lịch, khách sạn.                                     | 4 |
|              |                                                                                                   | PI10.2. Thực hiện thành thạo kỹ năng nghiệp vụ du lịch – khách sạn cơ bản trong thực tiễn nghề nghiệp                                                                                              | 4 |

### 3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

| Ký hiệu PLO  | Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)                                                                | Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)                                                                                                                                                                                             | Trình độ năng lực |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>PLO11</b> | Hình thành tinh thần cầu tiến, tự chủ, khả năng thích ứng, ý thức khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và học tập suốt đời | PI11.1. Thể hiện tinh thần cầu tiến, tích cực chủ động tìm kiếm, đánh giá và áp dụng các kiến thức mới từ nhiều nguồn (sách, tư liệu, tài liệu số hoá, AI...) để học tập, làm việc hiệu quả và nâng cao năng lực bản thân suốt đời | 5                 |
|              |                                                                                                                     | PI11.2. Thể hiện khả năng thích ứng, ý thức khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực du lịch và khách sạn                                                                                                                      | 5                 |
| <b>PLO12</b> | Thể hiện phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm với cộng đồng xã hội.        | PI12.1. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm công dân, tuân thủ nội quy, quy định, chính sách, pháp luật trong học tập, thực tập và hoạt động nghề nghiệp                                                                                 | 4                 |
|              |                                                                                                                     | PI12.2. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và sự tôn trọng đối với khách hàng, tổ chức, đối tác, cộng đồng xã hội, văn hoá bản địa và thông lệ quốc tế                                                            | 4                 |

### 3.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có năng lực chuyên môn và năng lực công tác tốt, có thể đảm nhiệm các vị trí khác nhau như dưới đây:

- Nhân viên/Giám sát/Trưởng, phó/Giám đốc các bộ phận như: lễ tân, nhà hàng, bar, buồng, kinh doanh, quan hệ và chăm sóc khách hàng, nhân sự, hành chính, kế toán trong các khách sạn, khu nghỉ dưỡng và các cơ sở kinh doanh lưu trú;

- Nhân viên/ Trưởng, phó bộ phận kinh doanh, bán hàng, chăm sóc khách hàng, giao dịch viên, nhân sự, hành chính, kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ khác;

- Cán bộ nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức phi chính phủ liên quan đến du lịch
- Tự tạo việc làm cho chính mình và người khác.
- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học có đào tạo ngành du lịch và quản trị khách sạn, nhà hàng.

### 3.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ

Chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn đáp ứng các kiến thức cơ sở ngành, nhóm ngành, kiến thức ngành/chuyên ngành trang bị kiến thức chung đến chuyên sâu về quản lý du lịch và kinh doanh khách sạn. Sinh viên sau tốt nghiệp có khả năng học lên các bậc học tiếp theo về lĩnh vực du lịch, khách sạn và nhà hàng. Đồng thời có khả năng làm việc độc lập, tự học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

## 4. Nội dung chương trình đào tạo

### 4.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124/176 Tín chỉ (TC)

(Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

+Kiến thức giáo dục đại cương: 34/43 TC

+Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 74/107 TC

- Kiến thức của khối ngành: 18/24 TC

- Kiến thức cơ sở ngành: 15/21 TC

- Kiến thức ngành: 29/50 TC

- Kiến thức chuyên ngành: 12 TC

+Thực tập: 9/12 TC

+Khoá luận tốt nghiệp: 7 TC

+Giáo dục thể chất: Chương trình đào tạo các học phần về Giáo dục thể chất được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho hệ đại học.

+Giáo dục Quốc phòng - An ninh: Chương trình đào tạo các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh được tổ chức theo “Quy định Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học” của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học.

### 4.2. Nội dung chương trình đào tạo

| TT        | Mã học phần | Học phần                            | Tín chỉ      | Ngôn ngữ |
|-----------|-------------|-------------------------------------|--------------|----------|
| <b>A</b>  |             | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b> | <b>34/43</b> |          |
| <b>I</b>  |             | <b>Lý luận chính trị</b>            | <b>11</b>    |          |
|           |             | <i>Bắt buộc</i>                     | <i>11</i>    | Việt     |
| 1         | DCU1043     | Triết học Mác - Lênin               | 3            | Việt     |
| 2         | DCU1022     | Kinh tế chính trị Mác - Lênin       | 2            | Việt     |
| 3         | DCU1012     | Chủ nghĩa xã hội khoa học           | 2            | Việt     |
| 4         | DCU1052     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | 2            | Việt     |
| 5         | DCU1032     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam      | 2            | Việt     |
| <b>II</b> |             | <b>Khoa học tự nhiên</b>            | <b>6</b>     |          |

| TT          | Mã học phần | Học phần                                                                                 | Tín chỉ       | Ngôn ngữ |
|-------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|
|             |             | <i>Bắt buộc</i>                                                                          | 6             |          |
| 6           | DLH2703     | Thông kê kinh tế và kinh doanh                                                           | 3             | Việt     |
| 7           | ICT2563     | Tin học ứng dụng                                                                         | 3             | Việt     |
| <b>III</b>  |             | <b>Khoa học xã hội</b>                                                                   | <b>4/10</b>   |          |
|             |             | <i>Bắt buộc</i>                                                                          | 2             |          |
| 8           | DLH1362     | Pháp luật đại cương                                                                      | 2             | Việt     |
|             |             | <i>Tự chọn</i>                                                                           | 2/8           |          |
| 9           | DLH3292     | Luật kinh tế                                                                             | (2)           | Việt     |
| 10          | DLH1582     | Xã hội học đại cương                                                                     | (2)           | Việt     |
| 11          | QLH1132     | Khoa học môi trường                                                                      | (2)           | Việt     |
| 12          | QLH1332     | Tâm lý học đại cương                                                                     | (2)           | Việt     |
| <b>IV</b>   |             | <b>Ngoại ngữ</b>                                                                         | <b>13/16</b>  |          |
|             |             | <i>Bắt buộc</i>                                                                          | 10            |          |
| 13          | DCU1103     | Ngoại ngữ cơ bản 1                                                                       | 3             | Anh      |
| 14          | DCU1112     | Ngoại ngữ cơ bản 2                                                                       | 2             | Anh      |
| 15          | DCU1122     | Ngoại ngữ cơ bản 3                                                                       | 2             | Anh      |
| 16          | QKN1023     | Ngoại ngữ nâng cao 1                                                                     | 3             | Anh      |
|             |             | <i>Tự chọn</i>                                                                           | 3/6           |          |
| 17          | QKN1033     | Ngoại ngữ nâng cao 2                                                                     | 3             | Anh      |
| 18          | DHD1143     | Ngoại ngữ 2<br>(Tiếng Pháp cơ bản/Tiếng Trung cơ bản/Tiếng Nhật cơ bản/Tiếng Hàn cơ bản) | 3             |          |
| <b>B</b>    |             | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>                                                  | <b>74/107</b> |          |
| <b>VII</b>  |             | <b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>                                                        | <b>18/24</b>  |          |
|             |             | <i>Bắt buộc</i>                                                                          | 15            |          |
| 19          | DLH1603     | Kinh tế học ứng dụng                                                                     | 3             | Việt     |
| 20          | TAN2523     | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch                                                     | 3             | Anh      |
| 21          | EMM3263     | Quản trị học                                                                             | 3             | Việt     |
| 22          | TAN2483     | Tổng quan du lịch và khách sạn                                                           | 3             | Anh      |
| 23          | ICT2583     | Internet và AI trong du lịch                                                             | 3             | Việt     |
|             |             | <i>Tự chọn</i>                                                                           | 3/9           |          |
| 24          | DLH4063     | Du lịch bền vững                                                                         | 3             | Việt     |
| 25          | QKN3172     | Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp                                                          | 3             | Việt     |
| 26          | DLH2033     | Cơ sở văn hóa Việt Nam                                                                   | 3             | Việt     |
| <b>VIII</b> |             | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                                                             | <b>15/21</b>  |          |
|             |             | <i>Bắt buộc</i>                                                                          | 13            |          |
| 27          | TAN4633     | Quản lý hệ thống thông tin trong du lịch                                                 | 3             | Anh      |
| 28          | DLH3463     | Quy hoạch và phát triển du lịch                                                          | 2             | Việt     |
| 29          | TAN4633     | Quản lý và marketing điểm đến du lịch                                                    | 3             | Anh      |



| TT        | Mã học phần | Học phần                                               | Tín chỉ      | Ngôn ngữ |
|-----------|-------------|--------------------------------------------------------|--------------|----------|
| 30        | DLH3242     | Lập và quản lý dự án du lịch                           | 2            | Việt     |
| 31        | TAN2523     | Marketing du lịch                                      | 3            | Anh      |
|           |             | <i>Tự chọn</i>                                         | 2/8          |          |
| 32        | TAN4612     | Du lịch di sản và văn hóa                              | (2)          | Anh      |
| 33        | TAN 4862    | Du lịch lễ hội và sự kiện                              | (2)          | Anh      |
| 34        | QKN3382     | Du lịch ẩm thực                                        | (2)          | Việt     |
| 35        | QKN3132     | Quản trị bất động sản du lịch                          | (2)          | Việt     |
| <b>IX</b> |             | <b>Kiến thức ngành</b>                                 | <b>29/50</b> |          |
|           |             | <i>Bắt buộc</i>                                        | 12           |          |
| 36        | TAN2533     | Quản trị nguồn nhân lực du lịch và khách sạn           | 3            | Anh      |
| 37        | TAN3443     | Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn                   | 3            | Anh      |
| 38        | DLH3133     | Kế toán quản trị                                       | 3            | Việt     |
| 39        | TAN4673     | Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch và khách sạn   | 3            | Anh      |
|           |             | <b>Nhóm kiến thức:<br/>Kỹ năng và Nghiệp vụ</b>        | 6            |          |
| 40        | TAN4642     | Nghiệp vụ lễ tân                                       | 2            | Anh      |
| 41        | TAN4652     | Nghiệp vụ buồng                                        | 2            | Anh      |
| 42        | TAN4662     | Nghiệp vụ nhà hàng                                     | 2            | Anh      |
|           |             | <b>Nhóm kiến thức:<br/>Quản trị kinh doanh du lịch</b> | <b>6/16</b>  |          |
| 43        | TAN4742     | Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khỏe              | (2)          | Anh      |
| 44        | TAN4892     | Quản trị nhà hàng                                      | (2)          | Anh      |
| 45        | TAN4762     | Quản trị doanh nghiệp du lịch và khách sạn             | (2)          | Anh      |
| 46        | TAN4702     | Quản trị du lịch MICE                                  | (2)          | Anh      |
| 47        | TAN4802     | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch                    | (2)          | Anh      |
| 48        | TAN4792     | Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch và khách sạn  | (2)          | Anh      |
| 49        | EMM4052     | Đàm phán kinh doanh                                    | (2)          | Việt     |
| 50        | EMM3582     | Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện                   | (2)          | Việt     |
|           |             | <b>Nhóm kiến thức:<br/>Chuyển đổi số trong du lịch</b> | <b>5/16</b>  |          |
| 51        | ICT3483     | Marketing số trong du lịch                             | (3)          | Việt     |
| 52        | QKN3513     | Kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng               | (3)          | Việt     |
| 53        | QKN3703     | Phân tích dữ liệu kinh doanh du lịch                   | (3)          | Việt     |
| 54        | ICT3433     | Du lịch số                                             | (3)          | Việt     |
| 55        | ICT3532     | Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến                 | (2)          | Việt     |
| 56        | QKN3712     | Dự báo du lịch                                         | (2)          | Việt     |
| <b>X</b>  |             | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>                          | <b>12</b>    |          |
| 57        | TAN4883     | Quản trị chuỗi khách sạn quốc tế                       | 3            | Anh      |
| 58        | TAN4393     | Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách         | 3            | Anh      |

| TT       | Mã học phần | Học phần                                      | Tín chỉ        | Ngôn ngữ     |
|----------|-------------|-----------------------------------------------|----------------|--------------|
|          |             | sạn                                           |                |              |
| 59       | TAN4903     | Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn | 3              | Anh          |
| 60       | TAN4913     | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn    | 3              | Anh          |
| <b>C</b> |             | <b>THỰC TẾ/ THỰC TẬP</b>                      | <b>9/12</b>    |              |
| 61       | TTH3233     | Thực tế hướng nghiệp                          | 3              |              |
| 62       | TTH3043     | Thực tập nghiệp vụ                            | 3              |              |
| 63       | TTH3103     | Thực tập quản lý                              | 3              |              |
|          |             | <i>Tự chọn</i>                                |                |              |
| 64       | QKN5733     | Thực tập tăng cường                           | (3)            |              |
| <b>D</b> |             | <b>KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP</b>                   | <b>7/14</b>    |              |
| 65       | QKN4337     | Khóa luận tốt nghiệp                          | 7              | Anh/<br>Việt |
|          |             | <i>Học phần thay thế</i>                      | 7              |              |
| 66       | TAN4927     | Dự án kinh doanh ứng dụng                     | (7)            | Anh/<br>Việt |
|          |             | <b>Tổng cộng</b>                              | <b>124/176</b> |              |

#### 4.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

| Số lượng học phần                    | Mã học phần | Học phần                       | Số tín chỉ hoàn thành |
|--------------------------------------|-------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>HỌC KỲ I</b>                      |             |                                | <b>16/22</b>          |
| 6 học phần                           | DCU1043     | Triết học Mác - Lênin          | 3                     |
|                                      | ICT2563     | Tin học ứng dụng               | 3                     |
|                                      | DLH1362     | Pháp luật đại cương            | 2                     |
|                                      | DCU1103     | Ngoại ngữ cơ bản 1             | 3                     |
|                                      | TAN2483     | Tổng quan du lịch và khách sạn | 3                     |
|                                      |             | <i>Tự chọn</i>                 | 2/8                   |
|                                      | TAN4612     | Du lịch di sản và văn hóa      | (2)                   |
|                                      | TAN4862     | Du lịch lễ hội và sự kiện      | (2)                   |
|                                      | QKN3382     | Du lịch ẩm thực                | (2)                   |
|                                      | QKN3132     | Quản trị bất động sản du lịch  | (2)                   |
| <b>HỌC KỲ II</b>                     |             |                                | <b>18/24</b>          |
| 6 học phần và 1 Thực tế hướng nghiệp | DCU1022     | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | 2                     |
|                                      | DLH2703     | Thống kê kinh tế và kinh doanh | 3                     |
|                                      | DCU1112     | Ngoại ngữ cơ bản 2             | 2                     |
|                                      | DLH1603     | Kinh tế học ứng dụng           | 3                     |
|                                      | EMM3263     | Quản trị học                   | 3                     |
|                                      | TTH3233     | Thực tế hướng nghiệp           | 3                     |
|                                      |             | <i>Tự chọn</i>                 | 2/8                   |
|                                      | DLH3292     | Luật kinh tế                   | (2)                   |
|                                      | DLH1582     | Xã hội học đại cương           | (2)                   |
|                                      | QLH1132     | Khoa học môi trường            | (2)                   |
|                                      | QLH1332     | Tâm lý học đại cương           | (2)                   |
| <b>HỌC KỲ III</b>                    |             |                                | <b>18</b>             |
| 6 học phần                           | EMM3113     | Marketing du lịch              | 3                     |

|                                  |               |                                                                                          |              |
|----------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| và 1 Thực tập nghiệp vụ *        | TAN2533       | Quản trị nguồn nhân lực du lịch và khách sạn                                             | 3            |
|                                  | TAN3443       | Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn                                                     | 3            |
|                                  | TAN4642       | Nghiệp vụ lễ tân                                                                         | 2            |
|                                  | TAN4652       | Nghiệp vụ buồng                                                                          | 2            |
|                                  | TAN4662       | Nghiệp vụ nhà hàng                                                                       | 2            |
|                                  | TTH3043       | Thực tập nghiệp vụ                                                                       | 3            |
| <b>HỌC KỲ IV</b>                 |               |                                                                                          | <b>18/24</b> |
| 7 học phần                       | DCU1012       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                | 2            |
|                                  | DCU1122       | Ngoại ngữ cơ bản 3                                                                       | 2            |
|                                  | ICT2583       | Internet và AI trong du lịch                                                             | 3            |
|                                  | TAN4633       | Quản lý hệ thống thông tin trong du lịch                                                 | 3            |
|                                  | DLH3452       | Quy hoạch du lịch                                                                        | 2            |
|                                  | TAN4723       | Kế toán trong du lịch và khách sạn                                                       | 3            |
|                                  |               | <i>Tự chọn</i>                                                                           | 3/9          |
|                                  | DLH4063       | Du lịch bền vững                                                                         | (3)          |
|                                  | QKN3172       | Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp                                                          | (3)          |
|                                  | DLH2033       | Cơ sở văn hóa Việt Nam                                                                   | (3)          |
| <b>HỌC KỲ V</b>                  |               |                                                                                          | <b>16/27</b> |
| 6 học phần                       | DCU1052       | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                                     | 2            |
|                                  | QKN1023       | Ngoại ngữ nâng cao 1                                                                     | 3            |
|                                  | EMM4633       | Quản lý và marketing điểm đến du lịch                                                    | 3            |
|                                  | TAN4673       | Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch và khách sạn                                     | 3            |
|                                  | <b>MODULE</b> | <b>Nhóm kiến thức<br/>Chuyển đổi số trong du lịch</b>                                    | <b>5/16</b>  |
|                                  | ICT3483       | Marketing số trong du lịch                                                               | (3)          |
|                                  | QKN3513       | Kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng                                                 | (3)          |
|                                  | QKN3513       | Phân tích dữ liệu kinh doanh du lịch                                                     | (3)          |
|                                  | ICT3433       | Du lịch số                                                                               | (3)          |
|                                  | ICT3532       | Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến                                                   | (2)          |
|                                  | QKN3712       | Dự báo du lịch                                                                           | (2)          |
| <b>HỌC KỲ IV</b>                 |               |                                                                                          | <b>15/22</b> |
| 5 học phần và 1 Thực tập quản lý | DCU1032       | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                           | 2            |
|                                  | TAN4883       | Quản trị chuỗi khách sạn quốc tế                                                         | 3            |
|                                  | DLH3242       | Lập và quản lý dự án du lịch                                                             | 2            |
|                                  | TTH3103       | Thực tập quản lý                                                                         | 3            |
|                                  |               | <b>Tự chọn</b>                                                                           | <b>3/6</b>   |
|                                  | QKN1033       | Ngoại ngữ nâng cao 2                                                                     | (3)          |
|                                  | DHD1143       | Ngoại ngữ 2<br>(Tiếng Pháp cơ bản/Tiếng Trung cơ bản/Tiếng Nhật cơ bản/Tiếng Hàn cơ bản) | (3)          |
|                                  | <b>MODULE</b> | <b>Nhóm kiến thức:<br/>Quản trị kinh doanh du lịch</b>                                   | <b>2/6</b>   |
|                                  | TAN4762       | Quản trị doanh nghiệp du lịch và khách sạn                                               | (2)          |

|                    |               |                                                        |                |
|--------------------|---------------|--------------------------------------------------------|----------------|
|                    | TAN4802       | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch                    | (2)            |
|                    | TAN4792       | Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch và khách sạn  | (2)            |
| <b>HỌC KỲ VII</b>  |               |                                                        | <b>16/22</b>   |
| 6 học phần         | TAN4683       | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch                   | 3              |
|                    | TAN4393       | Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách sạn     | 3              |
|                    | TAN4413       | Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn          | 3              |
|                    | TAN4913       | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn             | 3              |
|                    | <b>MODULE</b> | <b>Nhóm kiến thức:<br/>Quản trị kinh doanh du lịch</b> | <b>4/10</b>    |
|                    | TAN4742       | Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khỏe              | (2)            |
|                    | TAN4892       | Quản trị nhà hàng                                      | (2)            |
|                    | TAN4702       | Quản trị du lịch MICE                                  | (2)            |
|                    | TAN4832       | Đàm phán kinh doanh                                    | (2)            |
|                    | EMM3582       | Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện                   | (2)            |
| <b>HỌC KỲ VIII</b> |               |                                                        | <b>7/17</b>    |
|                    | QKN4337       | Khoá luận tốt nghiệp                                   | 7              |
|                    | TAN4927       | Dự án kinh doanh ứng dụng                              | (7)            |
|                    | QKN5733       | Thực tập tăng cường                                    | (3)            |
| <b>Tổng cộng</b>   |               |                                                        | <b>124/176</b> |

**4.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn**

| TT  | MÃ HỌC PHẦN           | HỌC PHẦN                       | CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN |      |      |      |       |      |      |              |      |       |                                |       |
|-----|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------|------|------|-------|------|------|--------------|------|-------|--------------------------------|-------|
|     |                       |                                | Kiến thức (KT)                                                        |      |      |      |       |      |      | Kỹ năng (KN) |      |       | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |       |
| A   | KT GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG |                                | PLO1                                                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5  | PLO6 | PLO7 | PLO8         | PLO9 | PLO10 | PLO11                          | PLO12 |
| I   | Lý luận chính trị     |                                |                                                                       |      |      |      |       |      |      |              |      |       |                                |       |
| 1   | DCU1043               | Triết học Mác - Lênin          | R                                                                     |      |      |      |       |      | I    |              | I    |       | I                              | I     |
| 2   | DCU1022               | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | MA                                                                    |      |      |      |       |      | I    |              | I    |       | I                              | I     |
| 3   | DCU1012               | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | R                                                                     |      |      |      |       |      | I    |              | I    |       | I                              | I     |
| 4   | DCU1052               | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | RA                                                                    |      |      |      |       |      | I    |              | I    |       | M,A                            | I     |
| 5   | DCU1032               | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | R                                                                     |      |      |      |       |      | I    |              | I    |       | I                              | I     |
| II  | Khoa học tự nhiên     |                                | PLO1                                                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5  | PLO6 | PLO7 | PLO8         | PLO9 | PLO10 | PLO11                          | PLO12 |
| 6   | DLH2703               | Thông kê kinh tế và kinh doanh |                                                                       | R,A  |      | R    | R     |      |      | R            | R    | R     | I                              | I     |
| 7   | ICT2563               | Tin học ứng dụng               |                                                                       |      |      |      | M,A,P |      |      | M,A,P        |      |       | R                              | R     |
| III | Khoa học xã hội       |                                | PLO1                                                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5  | PLO6 | PLO7 | PLO8         | PLO9 | PLO10 | PLO11                          | PLO12 |
| 8   | DLH1362               | Pháp luật đại cương            | M,A                                                                   |      |      |      |       |      |      |              | R    |       |                                | M,A   |
| 9   | DLH3292               | Luật kinh tế                   | R                                                                     |      |      |      |       |      |      |              | R    |       | I,D                            | ID    |
| 10  | DLH1582               | Xã hội học đại cương           | I                                                                     |      |      |      |       |      |      |              | I    |       | R                              | R     |
| 11  | QLH1132               | Khoa học môi trường            | R                                                                     |      |      |      |       |      |      |              | R    |       | R                              | R     |
| 12  | QLH1332               | Tâm lý học đại cương           | R                                                                     |      |      |      |       |      |      |              | R    |       |                                | R     |

| IV       | Ngoại ngữ                        |                                                                                          | PLO1 | PLO2  | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8    | PLO9    | PLO10 | PLO11 | PLO12 |
|----------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|------|------|---------|------|------|---------|---------|-------|-------|-------|
| 13       | DCU1103                          | Ngoại ngữ cơ bản 1                                                                       | I    | I     |      |      |         |      |      | I       | R       | R     | I     | I     |
| 14       | DCU1112                          | Ngoại ngữ cơ bản 2                                                                       | I    | I     |      |      |         |      |      | RP      | R       | R     | I     | I     |
| 15       | DCU1122                          | Ngoại ngữ cơ bản 3                                                                       | I    | I     |      |      |         |      |      | MP      | R       | R     | I     | I     |
| 16       | QKN1023                          | Ngoại ngữ nâng cao 1                                                                     |      |       |      | R,P  |         |      |      | M,A,P,D | R,D     | R,D   | I     | I     |
| 17       | QKN1033                          | Ngoại ngữ nâng cao 2                                                                     |      |       |      | R,P  |         |      |      | R,P,D   | R,P     | R,P   | R     | R     |
| 18       | DHD1143                          | Ngoại ngữ 2<br>(Tiếng Pháp cơ bản/Tiếng Trung cơ bản/Tiếng Nhật cơ bản/Tiếng Hàn cơ bản) |      |       |      | I    |         |      |      | R,P     | R,P     |       | I     | I     |
| <b>B</b> | <b>KT GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b> |                                                                                          |      |       |      |      |         |      |      |         |         |       |       |       |
| VII      | Kiến thức cơ sở khối ngành       |                                                                                          | PLO1 | PLO2  | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8    | PLO9    | PLO10 | PLO11 | PLO12 |
| 19       | DLH1603                          | Kinh tế học ứng dụng                                                                     |      | M,A   | R    |      |         |      | I    |         | R       | R     | R     | R     |
| 20       | TAN2523                          | Phương pháp nghiên cứu trong du lịch                                                     |      | R,A,D |      |      | R,A,D   |      | R,D  |         | M,A,P,D |       | R     | R     |
| 21       | EMM3263                          | Quản trị học                                                                             |      | M,A   | R    | M,P  |         |      | R    |         | R       | R     | R     | R     |
| 22       | TAN2483                          | Tổng quan du lịch và khách sạn                                                           |      | I     | I    |      |         |      | I    |         | R       |       | I     | I     |
| 23       | ICT2583                          | Internet và AI trong du lịch                                                             |      |       |      | R,D  | M,A,P,D |      | R    | M,A,P,D | R,P     | R,P   | R     | R     |
| 24       | DLH4063                          | Du lịch bền vững                                                                         |      | R     | R    |      |         |      |      |         | R       |       | R     | R     |
| 25       | QKN3172                          | Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp                                                          |      | R,D   |      | R,D  |         |      |      |         | R,D     | R,D   | R,D   |       |

|             |                              |                                                      |             |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              |              |
|-------------|------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| 26          | DLH2033                      | Cơ sở văn hóa Việt Nam                               |             | R           |             |             |             |             |             |             | I           |              | I            | I            |
| <b>VIII</b> | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b> |                                                      | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 27          | TAN4633                      | Quản lý hệ thống thông tin du lịch                   |             |             | R           |             | M,A         |             |             | M,A         | R           | R            | R            | R            |
| 28          | DLH3463                      | Quy hoạch và phát triển du lịch                      |             | R           | M,A         |             |             |             | R           |             | R           | R            | R            | <b>R</b>     |
| 29          | TAN4633                      | Quản lý và marketing điểm đến du lịch                |             | R           | R           |             |             |             | R           |             | R           | R            | R            | R            |
| 30          | DLH3242                      | Lập và quản lý dự án du lịch                         |             |             | M,A         |             |             |             |             |             | M,A,P,<br>D | M,A,P        | R            | R            |
| 31          | TAN2523                      | Marketing du lịch                                    |             |             | M,A,D       | M,A,D       |             |             | R           | R,D         | R           | R            | R            | R            |
| 32          | TAN4612                      | Du lịch di sản và văn hóa                            |             | I           | R           |             |             |             |             |             | I           | I            | R            | R            |
| 33          | TAN 4862                     | Du lịch lễ hội và sự kiện                            |             |             | R,D         | R           |             |             |             | R,P         | R,P         | R            | R            | R            |
| 34          | QKN3382                      | Du lịch ẩm thực                                      |             |             | I,D         |             |             |             |             |             | I,P         |              | I            | I            |
| 35          | QKN3132                      | Quản trị bất động sản du lịch                        |             |             | R           |             |             |             |             |             | R           | R            |              | R            |
| <b>IX</b>   | <b>Kiến thức ngành</b>       |                                                      | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 36          | TAN2533                      | Quản trị nguồn nhân lực du lịch và khách sạn         |             | I           |             | M           |             |             | R           |             | R           | M,A          | R            | R            |
| 37          | TAN3443                      | Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn                 |             | R           |             | M,A         |             | R           | R           |             | R           | M,A          | R            | R            |
| 38          | DLH3133                      | Kế toán quản trị                                     |             |             |             | R           |             |             |             |             | R           | R            |              | R            |
| 39          | TAN4673                      | Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch và khách sạn |             |             |             | M,A         |             |             |             |             | R           | R            | R            | R            |

|    | <b>Nhóm kiến thức (bắt buộc)<br/>Kỹ năng và Nghiệp vụ</b>       |                                                       | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
|----|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
| 40 | TAN4642                                                         | Nghiệp vụ lễ tân                                      |             |             |             | R,A,P       |             | R           | I,P         |             | R,P         | R,A,P        | R            | R            |
| 41 | TAN4652                                                         | Nghiệp vụ buồng                                       |             |             |             | R,P         |             |             | I           |             | R,P         | R, P         | R            | R            |
| 42 | TAN4662                                                         | Nghiệp vụ nhà hàng                                    |             |             |             | R,P         |             |             | I           |             | R,P         | R,P          | R            | R            |
|    | <b>Nhóm kiến thức (tự chọn)<br/>Quản trị kinh doanh du lịch</b> |                                                       | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 43 | TAN4742                                                         | Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khoẻ             |             |             |             | R           |             | R           |             | R           | R           | R            | I            | I            |
| 44 | TAN4892                                                         | Quản trị nhà hàng                                     |             |             |             | R           |             | R           |             |             | R           | R            | R            | R            |
| 45 | TAN4762                                                         | Quản trị doanh nghiệp du lịch và khách sạn            |             |             |             | R           |             | R           |             |             | R           | R            | I            | I            |
| 46 | TAN4702                                                         | Quản trị du lịch MICE                                 |             |             |             | I           |             | R,P         |             |             | R           |              | I            | I            |
| 47 | TAN4802                                                         | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch                   |             |             |             | R           |             |             |             |             | R           | R            | R            | R            |
| 48 | TAN4792                                                         | Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch và khách sạn |             |             |             | I           |             |             |             |             | R           | R            | I            | I            |
| 49 | EMM4052                                                         | Đàm phán kinh doanh                                   |             |             |             | R           |             |             |             |             | R           | R            | I            | I            |
| 50 | EMM3582                                                         | Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện                  |             |             |             | R,P         |             |             |             |             | R,P         | R,P          | R            | R            |
|    | <b>Nhóm kiến thức (Tự chọn)<br/>Chuyển đổi số trong du lịch</b> |                                                       | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 51 | ICT3483                                                         | Marketing số trong                                    |             |             | R           |             | R           |             |             | R           | R           | R            | I            | I            |



|          |                               |                                                    |             |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              |              |
|----------|-------------------------------|----------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|
|          |                               | du lịch                                            |             |             |             |             |             |             |             |             |             |              |              |              |
| 52       | QKN3513                       | Kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng           |             |             |             |             | R           | R           |             |             | R           | R            | R            | R            |
| 53       | QKN3703                       | Phân tích dữ liệu kinh doanh du lịch               |             |             |             | R           | R           | R           |             | I           | R           |              | I            | I            |
| 54       | ICT3433                       | Du lịch số                                         |             | I           |             | R           | I           | R           |             |             | R           | I            | I            | I            |
| 55       | ICT3532                       | Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến             |             | R           |             | R           | R           |             |             | R           | I           | I            | I            | I            |
| 56       | QKN3712                       | Dự báo du lịch                                     |             | R           | R,P         |             |             |             |             | R,P         | R           |              | I            | I            |
| <b>X</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành</b> |                                                    | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 58       | TAN4393                       | Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách sạn |             |             |             | R, P        |             | M,A,D       | R           |             | R, P        |              | R            | R            |
| 59       | TAN4903                       | Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn      |             | R           |             | R           | R,P         | M,A,P,D     | R           | R,P         | R,P         | R,P          | R            | R            |
| 60       | TAN4913                       | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn         |             |             |             | R,P         |             | M,A,P,D     | R,D         |             | R           | R, P         | R            | R            |
| <b>C</b> | <b>THỰC TẾ/ THỰC TẬP</b>      |                                                    | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |
| 61       | TTH3233                       | Thực tế hướng nghiệp                               |             | I           | I           | R           | R           | I           | R           | R,P         | R,P         | I            | R,A          | R,A          |
| 62       | TTH3043                       | Thực tập nghiệp vụ                                 |             | RP          | RD          | M,A,P       |             |             | M,A,D       |             | R,P         | M,A,P        | M,A,P        | M,A,P        |
| 63       | TTH3103                       | Thực tập quản lý                                   |             | R           |             | R           |             |             | M,A,P       |             | M           | M            | M,A,P        | M,A,P        |
| 64       | QKN5733                       | Thực tập tăng cường                                |             | R,D         |             | R,P,D       |             |             | R,P,D       | R,P         | R,P         | R,P          | R,P          | R,P          |
| <b>D</b> | <b>KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP</b>   |                                                    | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> | <b>PLO10</b> | <b>PLO11</b> | <b>PLO12</b> |

|    |         |                           |  |  |  |   |   |   |             |     |      |   |             |             |
|----|---------|---------------------------|--|--|--|---|---|---|-------------|-----|------|---|-------------|-------------|
| 65 | QKN4337 | Khóa luận tốt nghiệp      |  |  |  |   |   |   | M,A,P,<br>D | M,P | M, P |   | M,A,P,<br>D | M,A,P,<br>D |
| 66 | TAN4927 | Dự án kinh doanh ứng dụng |  |  |  | R | R | R | R,P,D       | R,P | R    | R | R           | R           |

**\*Ghi chú:**

Mức độ đóng góp của từng CLO đối với việc đạt được PLO xác định theo các cấp độ sau:

- **Mức I** (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu.
  - **Mức R** (Reinforced): Học phần hỗ trợ đạt PLO ở mức cao hơn mức ban đầu, SV có cơ hội học tập nhiều kiến thức, thực hành, thực tập, thí nghiệm...
  - **Mức M** (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ SV thuần thục, thành thạo đạt PLO.
- Ngoài ra, về bản chất còn có thêm các hình thức đánh giá theo các yếu tố:
- **A** (Assessed): Học phần cốt lõi, chuyên sâu hỗ trợ tối đa việc đạt PLO
  - **P** (Practise): Học phần hỗ trợ tốt hoạt động thực hành để đạt PLO.
  - **D** (Development): Học phần hỗ trợ tốt cho sự phát triển, mở rộng, nâng cao để đạt PLO.

## **4.5. Mô tả vắn tắt các học phần**

### **Học phần 1**

**Tên học phần:** *Triết học Mác – Lênin*

**Mã học phần:** DCU1043

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. Đồng thời, giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên và hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

### **Học phần 2**

**Tên học phần:** *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

**Mã học phần:** DCU1022

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. Học phần góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

### **Học phần 3**

**Tên học phần:** *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

**Mã học phần:** DCU1012

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

### **Học phần 4**

**Tên học phần:** *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

**Mã học phần:** DCU1052

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp các khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại; những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. Bên cạnh đó, học phần giúp người học rèn luyện năng lực tư duy lý luận; có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận; có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. Học phần giúp củng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.

### **Học phần 5**

**Tên học phần:** *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

**Mã học phần:** DCU1032

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Học phần trang bị cho người học khả năng tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

### **Học phần 6**

**Tên học phần:** *Thống kê kinh tế và kinh doanh*

**Mã học phần:** DLH2703

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Thống kê kinh tế và kinh doanh có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu, các phương pháp thống kê mô tả và suy diễn, các phương pháp phân tích thống kê vận dụng trong kinh tế và kinh doanh, từ đó, làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Học phần giúp sinh viên kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề, và hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển chuyên môn nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và xã hội.

### **Học phần 7**

**Tên học phần:** *Tin học ứng dụng*

**Mã học phần:** ICT2563

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Tin học ứng dụng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và toàn diện về kỹ năng soạn thảo văn bản sử dụng phần mềm Microsoft Word, thao tác với bảng tính sử dụng phần mềm Microsoft Excel và sử dụng phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint. Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên sẽ có đủ những kiến thức cần thiết để theo học những học phần tiếp theo cũng như khả năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng để giải quyết những công việc có tính chất văn phòng, hoạt động nghiệp vụ, khả năng tham gia phát triển, khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai.

### **Học phần 8**

**Tên học phần:** *Pháp luật đại cương*

**Mã học phần:** DLH1362

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Pháp luật đại cương giúp sinh viên biết và hiểu được những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật; kiến thức cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thái độ đúng đắn, ứng xử và chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, đảm bảo kỷ cương xã hội.

### **Học phần 9**

**Tên học phần:** *Luật kinh tế*

**Mã học phần:** DLH3292

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản trong đối với các quy định cơ bản của Nhà nước về kinh tế, có thể phối hợp kiến thức của với các môn học khác. Sự hiểu biết những qui định pháp luật về kinh tế giúp cho sinh viên khi hoạt động kinh doanh tránh những hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.

### **Học phần 10**

**Tên học phần:** *Xã hội học đại cương*

**Mã học phần:** DLH3292

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về xã hội học: Đối tượng, chức năng, cơ cấu tri thức của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học xã hội nhân văn khác. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của xã hội học với tư cách là một khoa học độc lập, liên ngành và thực nghiệm. Trang bị các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học: Con người và xã hội, Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội và các khái niệm liên quan; Quyền lực, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; Lệch lạc và kiểm soát xã hội; Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội. Gợi thiệu khái quát các phương pháp và kỹ thuật cơ bản của một cuộc nghiên cứu thực nghiệm xã hội học. Sau khi học xong, sinh viên hiểu được vị trí, vị thế và vai trò của mình trong hệ thống các quan hệ với cá nhân, nhóm xã hội, tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong xã hội tổng thể. Từ đó, giáo dục cho sinh viên các kỹ năng, thái độ học tập, nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp để có trách nhiệm với phát triển bản thân, cộng đồng và xã hội.

## **Học phần 11**

**Tên học phần:** Khoa học môi trường

**Mã học phần:** QLH1132

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Khoa học môi trường cung cấp những kiến thức chung có liên quan đến khoa học môi trường như các khái niệm, các thành phần chính của môi trường, các nguyên lý sinh thái vận dụng vào khoa học môi trường, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn. Những kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường – tài nguyên, dân số, các nhu cầu sống của con người (lương thực - thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, nhà ở, văn hóa – xã hội, ...), vai trò của con người trong hệ sinh thái, mối liên hệ của con người với tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Học phần cung cấp kỹ năng tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Học phần cũng giúp người học hình thành giá trị và trách nhiệm cá nhân và khả năng tự học tập, bồi dưỡng, tích lũy kiến thức, tự hoàn thiện, phát triển nghề nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

## **Học phần 12**

**Tên học phần:** Tâm lý học đại cương

**Mã học phần:** QLH1332

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Tâm lý học đại cương kế thừa những chương trình tâm lý học trong và ngoài nước, chọn lọc những tri thức cơ bản, cập nhật, bổ sung những tri thức mới cho phù hợp với đối tượng học là sinh viên năm thứ nhất trường Trường Du lịch – Đại học Huế. Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội. Học phần này có vai trò quan trọng trong việc hình hành, phát triển khả năng tư duy, hình thành kỹ năng nghiên cứu tài liệu một cách khoa học; hình thành kỹ năng kiểm soát các xúc cảm; hình thành, phát triển kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý và áp dụng các tri thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Học phần giúp người học thể hiện giá trị và trách nhiệm cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến và hoàn thiện bản thân, trách nhiệm với nghề nghiệp, doanh nghiệp và xã hội.

## **Học phần 13**

**Tên học phần:** Ngoại ngữ cơ bản 1

**Mã học phần:** DCU1103

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngoại ngữ cơ bản 1 cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh bậc 1/6 (A1); cung cấp cho người học các kiến thức tiếng Anh cơ bản liên quan đến các chủ đề quen thuộc như gia đình, nghề nghiệp, công việc hằng ngày, du lịch, giải trí,... và làm quen với hình thức thi theo khung năng lực (bậc 1/6). Bên cạnh đó, học phần trang bị các kỹ năng và hình thành năng lực nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 1/6 cho sinh viên.

## **Học phần 14**

**Tên học phần:** *Ngoại ngữ cơ bản 2*

**Mã học phần:** DCU1112

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngoại ngữ cơ bản 2 cung cấp các kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản của tiếng Anh bậc 2/6 (A2); sử dụng tốt các mẫu câu trong hội thoại, giao tiếp theo các tình huống nhất định; cung cấp các kiến thức về văn hoá, xã hội Anh, Mỹ và một số nước trên thế giới thông qua các đoạn đọc hiểu và các tình huống giao tiếp. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kỹ năng và hình thành năng lực nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 2/6 cho sinh viên.

## **Học phần 15**

**Tên học phần:** *Ngoại ngữ cơ bản 3*

**Mã học phần:** DCU1122

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngoại ngữ cơ bản 3 cung cấp các kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản của tiếng Anh bậc 3/6; sử dụng tốt các mẫu câu trong hội thoại, giao tiếp theo các tình huống nhất định; cung cấp các kiến thức về văn hoá, xã hội Anh, Mỹ và một số nước trên thế giới thông qua các đoạn đọc hiểu và các tình huống giao tiếp. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kỹ năng và hình thành năng lực nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3/6 cho sinh viên.

## **Học phần 16**

**Tên học phần:** *Ngoại ngữ nâng cao 1*

**Mã học phần:** QKN1023

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngoại ngữ nâng cao 1 là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương. Học giúp phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch. Nội dung tập trung vào các chủ đề như dịch vụ nhà hàng – khách sạn, tổ chức tour, chăm sóc khách hàng và du lịch văn hóa, gắn với tình huống thực tiễn. Học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống nghề nghiệp, đồng thời tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ nhằm hoàn thiện năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên.

## **Học phần 17**

**Tên học phần:** *Ngoại ngữ nâng cao 2*

**Mã học phần:** QKN1033

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần ngoại ngữ nâng cao 2 là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngành du lịch và khách sạn nhà hàng bằng tiếng Anh với các chủ đề về đặt phòng, làm thủ tục nhận phòng, phục vụ ăn uống, chăm sóc khách hàng, các dịch vụ khác trong du lịch và khách sạn và công việc trong ngành du lịch và khách sạn. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong phục vụ khách trong du lịch và khách sạn.

## **Học phần 18.1**

**Tên học phần:** *Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp cơ bản)*

**Mã học phần:** DHD1143

*Số tín chỉ: 03*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Tiếng Pháp cơ bản gồm 3 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 45 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên (26 tiết), các bài tập hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp (16 tiết) và 16 tiết tự học của sinh viên. Kiểm tra giữa và cuối kỳ gồm 3 tiết. Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản. Với 12 bài của học phần tiếng Pháp cơ bản, sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản.

### **Học phần 18.2**

***Tên học phần: Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung cơ bản)***

***Mã học phần: DHD1143***

*Số tín chỉ: 03*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Tiếng Trung cơ bản nhằm rèn luyện và phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đạt chuẩn A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chuẩn trình độ Tiếng Trung quốc tế HSK. Tài liệu giảng dạy được chọn từ nguồn giáo trình Hán ngữ quốc tế, được biên soạn theo phong cách khoa học nghiêm cẩn nhưng không kém phần sinh động tự nhiên và hài hước. Nội dung mỗi bài học là các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, như lao động, công việc, trường học, giải trí, được lồng ghép với các yếu tố học thuật văn hóa, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và văn hóa cơ bản, hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu và nâng cao kiến thức, nhằm góp phần vào khối kiến thức và kỹ năng chung cho ngoại ngữ ứng dụng vào lĩnh vực du lịch.

### **Học phần 18.3**

***Tên học phần: Ngoại ngữ 2 (Tiếng Nhật cơ bản)***

***Mã học phần: DHD1143***

*Số tín chỉ: 03*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Tiếng Nhật cơ bản gồm 3 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 45 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên (32 tiết), các bài tập hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp (10 tiết) và 10 tiết tự học của sinh viên. Kiểm tra giữa và cuối kỳ gồm 3 tiết. Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng cơ bản và có thể viết đúng, đủ, thuộc lòng những chữ Hán ở trình độ sơ cấp. Học phần này sử dụng giáo trình IRODORI – Tiếng Nhật trong đời sống, có tổng 18 bài cơ bản. Từng bài sẽ nêu ra các chủ đề khác nhau liên quan tới đời sống tại Nhật Bản. Với rất nhiều chủ đề phong phú về đời sống hằng ngày tại Nhật Bản, sinh viên không chỉ học được ngôn ngữ Nhật mà còn có thể làm quen với đời sống và văn hoá Nhật Bản.

### **Học phần 18.4**

***Tên học phần: Ngoại ngữ 2 (Tiếng Hàn cơ bản)***

***Mã học phần: DHD1143***

*Số tín chỉ: 03*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Tiếng Hàn cơ bản gồm có 3 tín chỉ với số tiết trên lớp là 45 tiết, trong đó bao gồm 25 tiết là phần bài giảng của giáo viên, 17 tiết là thực hành bài tập và các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp, 3 tiết kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ. Và có 19 tiết là phần tự học của sinh viên. Nội dung chính của học phần này là cung



cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cùng với hoạt động thực hành để rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản. Học phần này sử dụng giáo trình Vitamin Korean 1 từ chương 1 đến 4 có tổng 12 bài cơ bản, sinh viên không những được luyện phát âm, học từ vựng, ngữ pháp mà còn được rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các dạng bài tập tương ứng với từng kỹ năng.

### **Học phần 19**

**Tên học phần:** Kinh tế học ứng dụng

**Mã học phần:** DLH1603

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Kinh tế học ứng dụng chủ yếu tập trung tìm hiểu về các khái niệm thị trường, cung - cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp liên quan đến sản xuất, chi phí, lợi nhuận, từ đó giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cơ chế hoạt động của thị trường và hình thành giá cả sản phẩm. Hơn nữa, môn học này còn đi vào phân tích các loại cấu trúc thị trường khác nhau và nghiên cứu thất bại thị trường để thấy được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường và từ đó nhìn nhận được vai trò điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), từ đó có thể vận dụng đối chứng các chính sách trong từng giai đoạn nền kinh tế đang thực hiện. Phân biệt rõ tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), biết cách tính các chỉ tiêu kinh tế khác, từ đó vận dụng tính các chỉ tiêu đó trong thực tiễn Việt Nam. Hiểu được bản chất tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Từ đó vận dụng trong thực tiễn để đánh giá, phân tích được thực tiễn vấn đề kinh tế đang diễn ra.

### **Học phần 20**

**Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu trong du lịch

**Mã học phần:** TAN2523

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Phương pháp nghiên cứu trong du lịch bao gồm 3 tín chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình thực hiện nghiên cứu, cách thức tiếp cận và tiêu chí lựa chọn chủ đề, nội dung và phương pháp nghiên cứu trong du lịch, yêu cầu, cấu trúc và phương pháp trình bày báo cáo nghiên cứu. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng tư duy độc lập ban đầu về cách thức tiếp cận vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương khoa học rõ ràng và sử dụng các phương pháp phù hợp để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Biết vận dụng một cách phù hợp các công cụ và phương pháp phân tích đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy của một đề tài nghiên cứu. Đồng thời, người học có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; có khả năng tự học, chịu khó cập nhật kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong du lịch để đáp ứng yêu cầu công việc. Chịu áp lực công việc trong hoạt động nghiên cứu.

### **Học phần 22**

**Tên học phần:** Tổng quan du lịch và khách sạn

**Mã học phần:** TAN2483

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Tổng quan du lịch và khách sạn nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về du lịch, lịch sử hình thành, các khái niệm, loại hình du lịch, xu hướng phát triển du lịch trên thế giới, các loại hình kinh doanh trong du lịch, các lý thuyết liên quan

đến cung – cầu trong du lịch. Hiểu rõ các dạng tài nguyên và các nguồn lực cấu thành nên sản phẩm du lịch. Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động trong du lịch. Hiểu được các tác động của du lịch đối với điểm đến, kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường cũng như các công tác quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức, quản lý của ngành du lịch. Giúp cho người học hiểu rõ và vận dụng một cách sáng tạo và phù hợp trong việc giải quyết một số vấn đề của phát triển và kinh doanh du lịch, nâng cao trách nhiệm xã hội, đảm bảo hài hoà các lợi ích phát triển du lịch. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên hình thành các kỹ năng và năng lực phẩm chất nghề nghiệp sau này như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, quan sát, phân tích và giải quyết các vấn đề, hiểu và tôn trọng các bên liên quan trong kinh doanh du lịch.

### **Học phần 23**

#### **Tên học phần: Internet và AI trong du lịch**

Mã học phần: ICT2583

Số tín chỉ: 03

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Internet và AI trong du lịch trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và ứng dụng thực tiễn của công nghệ số trong lĩnh vực du lịch – khách sạn. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của Internet trong quảng bá, phân phối dịch vụ và tương tác với khách hàng, đồng thời giới thiệu các ứng dụng trí tuệ nhân tạo như chatbot, hệ thống gợi ý, phân tích dữ liệu hành vi nhằm nâng cao trải nghiệm và tối ưu vận hành. Đây là học phần định hướng ứng dụng, gắn kết với xu thế chuyển đổi số ngành du lịch – khách sạn. Học phần giúp sinh viên kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề, và hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển chuyên môn nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và xã hội trong thời đại mới.

### **Học phần 24**

#### **Tên học phần: Du lịch bền vững**

Mã học phần: DLH4063

Số tín chỉ: 03

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Du lịch bền vững nhằm trang bị cho học viên những nguyên lý cơ bản của phát triển du lịch bền vững, các yếu tố bền vững về kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường, vai trò của các bên trong quá trình phát triển du lịch bền vững; phạm vi vận dụng phân tích du lịch bền vững và các yếu tố thể chế pháp lý vận dụng trong quản lý nhà nước về du lịch để đảm bảo tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc phát triển bền vững trong phát triển và kinh doanh du lịch. Giúp cho người học hiểu rõ và vận dụng một cách sáng tạo và phù hợp trong việc giải quyết một số vấn đề của phát triển và kinh doanh du lịch bền vững, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đảm bảo hài hoà các lợi ích phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên rèn luyện thêm các kỹ năng về quan sát, phân tích, đánh giá vấn đề, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm cũng như hình thành các phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và năng lực tự học, tự nghiên cứu.

### **Học phần 25**

#### **Tên học phần: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp**

Mã học phần: QKN3172

Số tín chỉ: 03

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trang bị cho người học bức tranh tổng quát về hành trình khởi nghiệp sáng tạo. Chương trình giảng dạy cho sinh viên cách thức xác định cơ hội, phát triển cơ hội, đánh giá và hành động để biến cơ hội thành những sản

phẩm hoặc dịch vụ mới nhằm mang lại những giá trị tiên phong phục vụ đời sống con người. Học phần được thiết kế để sinh viên được thực hành và trải nghiệm kiến thức về hành trình khởi nghiệp sáng tạo, đó là hành trình tìm kiếm, khám phá, hành động và là quá trình lặp lại. Việc áp dụng tư duy thực hành hiệu quả và tư duy kiến tạo sẽ giúp sinh viên tự phát triển năng lực bản thân, tự định hướng nghề nghiệp, phát triển năng lực và tâm thế người làm chủ, để từ đó họ có thể kiến tạo ra những doanh nghiệp mới hoặc là hạt nhân đổi mới trong môi trường, tổ chức và doanh nghiệp hiện hữu. Khả năng “suy nghĩ như người khởi nghiệp” và “hành động như những nhà sáng tạo” là những kỹ năng thiết yếu mang lại thành công cho người lao động ở tất cả các ngành công nghiệp, và được xem là công cụ hiệu quả giúp các cá nhân vượt trội tại nơi làm việc, tạo ra sự khác biệt về năng lực và thành công trong tương lai.

## **Học phần 26**

**Tên học phần:** *Cơ sở văn hoá Việt Nam*

**Mã học phần:** DLH2033

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để hiểu về văn hóa Việt Nam, bao gồm khái niệm cơ bản về văn hóa và văn hóa học, định vị và tiến trình văn hóa Việt Nam, hiểu rõ về tính đồng đại và lịch đại của các thành tố trong hệ thống văn hóa Việt Nam để từ đó vận dụng vào trong phát triển du lịch. Học phần giúp sinh viên hình thành khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá giải quyết vấn đề, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự lực, tích lũy kiến thức, hoàn thiện bản thân, hiểu và tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống của quốc gia, vùng miền, thực hiện trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

## **Học phần 27**

**Tên học phần:** *Quản lý hệ thống thông tin du lịch*

**Mã học phần:** TAN4633

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Quản lý Hệ thống thông tin du lịch (QLHTTDL) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về QLHTTDL và tập trung nghiên cứu những xu hướng áp dụng hệ thống thông tin để nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp du lịch. Học phần giúp sinh viên thành thạo các kỹ năng phân tích, đánh giá lựa chọn và quản lý hệ thống thông tin trong kinh doanh du lịch; đồng thời hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

## **Học phần 28**

**Tên học phần:** *Quy hoạch và phát triển du lịch*

**Mã học phần:** DLH3463

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng giúp sinh viên có năng lực xây dựng, thực hiện 1 dự án quy hoạch phát triển du lịch cho 1 hệ thống lãnh thổ du lịch, có khả năng đánh giá tiềm năng của một không gian du lịch; đánh giá tính khả thi của dự án

hay các tác động của dự án đối với môi trường, kinh tế, xã hội... và rèn luyện được kỹ năng và năng lực cần thiết như lập kế hoạch, thuyết trình, bảo vệ dự án quy hoạch và năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với cá nhân, nghề nghiệp và xã hội trong nghề nghiệp của mình.

### **Học phần 29**

**Tên học phần:** *Quản lý và marketing điểm đến du lịch*

**Mã học phần:** TAN4633

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản lý và marketing điểm đến du lịch là một học phần thuộc lĩnh vực quản lý và kinh doanh du lịch. Đây là học phần quan trọng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về điểm đến du lịch, các nội dung và phương pháp, mô hình quản lý điểm đến, cách thức đánh giá và định vị năng lực cạnh tranh của điểm đến, cách xác định tầm nhìn, mục tiêu và xây dựng chiến lược phát triển điểm đến một cách bền vững. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các kiến thức marketing để nghiên cứu, phát triển sản phẩm du lịch mới, xây dựng thương hiệu và xúc tiến quảng bá điểm đến.

### **Học phần 30**

**Tên học phần:** *Lập và quản lý dự án du lịch*

**Mã học phần:** DLH3242

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Lập và quản lý dự án du lịch cung cấp những kiến thức cơ bản cùng kiến thức chuyên sâu và cập nhật hơn về lập và quản lý dự án đầu tư qua các nội dung: Lý luận chung về đầu tư và dự án đầu tư du lịch, cơ sở khoa học cho việc phải đầu tư theo dự án, làm rõ trình tự, nội dung nghiên cứu và tổ chức soạn thảo dự án đầu tư, phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư; Những kiến thức cơ bản về công tác thẩm định và quản lý dự án đầu tư như: lập kế hoạch, tổ chức quản lý dự án, quản lý tiến độ, nhân sự, tài chính và quản lý rủi ro dự án. Từ đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức trên vào việc lập và quản lý một dự án đầu tư trong thực tế. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau này như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, lập kế hoạch, phân tích và giải quyết vấn đề. Đặc biệt là năng lực tự định hướng, và khởi nghiệp. Ngoài ra còn rèn luyện khả năng tự học, tìm tòi và sáng tạo của sinh viên, nâng cao trình độ, năng lực điều hành quản lý và sự tự tin, kiên trì theo đuổi mục tiêu để phát triển nghề nghiệp sau này.

### **Học phần 31**

**Tên học phần:** *Marketing du lịch*

**Mã học phần:** TAN2523

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Marketing du lịch là một môn học thuộc lĩnh vực nghiên cứu thị trường và nghệ thuật kinh doanh nhằm trang bị cho người học các kiến thức, chính sách, phương pháp và nghệ thuật trong marketing kinh doanh du lịch (theo nghĩa rộng bao gồm du lịch, khách sạn, nhà hàng, lữ hành, lễ hội, sự kiện, công nghệ giải trí...) và điểm đến du lịch. Trên cơ sở hiểu biết và nhận dạng các đặc tính riêng biệt của ngành du lịch dịch vụ, học phần Marketing du lịch giúp cho người học hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng một cách linh hoạt và phù hợp các công cụ, phương pháp và nghệ thuật marketing

trong hoạt động của một tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch phù hợp các đặc trưng riêng biệt của sản phẩm và môi trường marketing du lịch.

### **Học phần 32**

**Tên học phần:** Du lịch di sản và văn hoá

**Mã học phần:** TAN4612

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Du lịch di sản và văn hoá trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa, di sản, du lịch di sản – văn hóa và phân tích mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch, và cách thức khai thác giá trị văn hoá để phát triển du lịch. Đồng thời học phần giúp sinh viên hình thành năng lực phân biệt được văn hóa vật thể và phi vật thể trong phát triển du lịch, đồng thời vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động kinh doanh du lịch. Học phần giúp sinh viên thành thạo các kỹ năng mềm cần thiết trong lĩnh vực du lịch văn hóa. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc bảo tồn di sản vì sự phát triển bền vững.

### **Học phần 33**

**Tên học phần:** Du lịch lễ hội và sự kiện

**Mã học phần:** TAN4862

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Du lịch lễ hội và sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản trong ngành tổ chức sự kiện cung cấp các khái niệm liên quan đến tổ chức sự kiện và lễ hội, tìm hiểu về lịch sử của ngành tổ chức, những định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành tổ chức. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về cách thức hình thành ý tưởng cho sự kiện và quy trình xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện cũng như đưa ra mối liên hệ giữa sự kiện và du lịch giúp sinh viên có cái nhìn khái quát nhất về ngành tổ chức sự kiện.

### **Học phần 34**

**Tên học phần:** Du lịch ẩm thực

**Mã học phần:** QKN3382

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Du lịch ẩm thực cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về vai trò của ẩm thực trong phát triển du lịch. Nội dung học phần tập trung vào đặc trưng ẩm thực vùng miền, văn hóa ẩm thực, các loại hình du lịch ẩm thực và xu hướng phát triển sản phẩm du lịch gắn với ẩm thực. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng ẩm thực như một nguồn tài nguyên du lịch, đồng thời rèn luyện kỹ năng xây dựng, tổ chức và quảng bá sản phẩm du lịch ẩm thực, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của du khách.

### **Học phần 35**

**Tên học phần:** Quản trị bất động sản du lịch

**Mã học phần:** QKN3132

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị bất động sản du lịch giữ vai trò quan trọng trong khối kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên năng lực chuyên môn sâu về một lĩnh vực cốt lõi và có giá trị cao trong ngành du lịch và khách sạn. Học phần giới thiệu các kiến thức nền tảng về

bất động sản (BDS), thị trường BDS du lịch, và các loại hình BDS du lịch hiện đại như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, các dự án phức hợp và BDS cho thuê ngắn hạn. Trọng tâm của học phần là tiếp cận BDS du lịch dưới góc độ đầu tư và quản lý chiến lược. Sinh viên sẽ được học các phương pháp phân tích thị trường, hoạch định chiến lược đầu tư, các bước triển khai một dự án đầu tư BDS du lịch, các phương pháp thẩm định giá trị, và kỹ năng quản trị rủi ro trong đầu tư. Học phần cũng đề cập đến các xu hướng mới, các vấn đề pháp lý và yếu tố phát triển bền vững trong BDS du lịch, giúp sinh viên có tầm nhìn toàn diện và cập nhật.

### **Học phần 36**

**Tên học phần:** *Quản trị nguồn nhân lực du lịch và khách sạn*

**Mã học phần:** TAN2533

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị nguồn nhân lực du lịch và khách sạn cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức về quản trị nguồn nhân lực, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan. Bên cạnh đó, học phần tăng cường các hoạt động nhóm và thảo luận tình huống, giúp người học tiếp cận những tình huống sinh động và thực tiễn của các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, qua đó giúp người học có khả năng nhìn nhận, đánh giá, phân tích các vấn đề trong thực tiễn quản trị nhân lực của doanh nghiệp. Đồng thời hình thành năng lực làm việc độc lập, có trách nhiệm trong công việc.

### **Học phần 37**

**Tên học phần:** *Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn*

**Mã học phần:** TAN3443

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn trang bị các kiến thức về nội dung, bản chất, đặc điểm của hoạt động kinh doanh khách sạn; chỉ ra mối liên hệ giữa loại hình kinh doanh này với các doanh nghiệp dịch vụ du lịch khác, với ngành du lịch và với nền kinh tế quốc dân. Học phần nghiên cứu hoạt động của các quy luật khách quan và sự tác động của chúng đến từng yếu tố sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch. Đưa ra phương pháp luận cho hoạt động quản lý, và tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu vào của hoạt động kinh doanh khách sạn. Qua đó, học phần Tổ chức quản lý kinh doanh khách sạn sẽ giúp người học có thể tìm hiểu, phân tích, lý giải các tình huống thực tế đang diễn ra trong hoạt động kinh doanh khách sạn ở Việt Nam và trên thế giới. Từ đó, giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế.

### **Học phần 38**

**Tên học phần:** *Kế toán quản trị*

**Mã học phần:** DLH3133

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Kế toán quản trị cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương

pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị. Thông tin kế toán quản trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc điều hành, kiểm soát và đánh giá doanh nghiệp.

### **Học phần 39**

**Tên học phần:** *Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch và khách sạn*

**Mã học phần:** TAN4673

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch và khách sạn trang bị cho sinh viên những kiến thức về các mối quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình sản xuất và kinh doanh của một doanh nghiệp hay một tổ chức. Trong mỗi doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp du lịch nói riêng, quản trị tài chính có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các nguồn lực tài chính, một điều kiện không thể thiếu để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Học phần sẽ giúp cho sinh viên hiểu được nguyên lý để đưa ra các quyết định về các loại tài sản của doanh nghiệp cũng như việc doanh nghiệp sẽ quản lý các nguồn tài sản của nó ra sao. Nói một cách khác, quản trị tài chính là quản trị nguồn vốn (bao gồm vốn tiền mặt, vốn, tài sản và các quan hệ tài chính phát sinh như: khoản phải thu – khoản phải trả), nhằm tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.

### **Học phần 40**

**Tên học phần:** *Nghiep vụ lễ tân*

**Mã học phần:** TAN4642

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Nghiệp vụ lễ tân trang bị kiến thức liên quan đến tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân khách sạn; các quy trình nghiệp vụ nhận đặt phòng, làm thủ tục đăng ký cho khách, giải quyết những nhu cầu phát sinh của khách trong thời gian lưu trú, làm thủ tục thanh toán và tiễn khách và một số vấn đề phát sinh khác. Bên cạnh đó, giúp người học rèn luyện và thực hành các kỹ năng theo quy trình nghiệp vụ lễ tân trong môi trường thực tế tại các doanh nghiệp khách sạn. Đồng thời, giúp hình thành năng lực làm việc độc lập, chuyên nghiệp và thái độ phục vụ khách hàng chu đáo, có trách nhiệm.

### **Học phần 41**

**Tên học phần:** *Nghiep vụ buồng*

**Mã học phần:** TAN4652

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Nghiệp vụ buồng trang bị cho người học kiến thức liên quan đến các cơ sở vật chất và trang thiết bị trong buồng khách sạn, các hoạt động thường nhật tại bộ phận buồng phòng khách sạn; các quy trình nghiệp vụ phục vụ khách lưu trú, quy trình dọn dẹp vệ sinh buồng khách. Bên cạnh đó, giúp người học rèn luyện và thực hành các kỹ năng theo quy trình nghiệp vụ buồng trong môi trường thực tế tại các doanh nghiệp khách sạn. Đồng thời, giúp hình thành năng lực làm việc độc lập, chuyên nghiệp và thái độ phục vụ khách hàng chu đáo, có trách nhiệm.

### **Học phần 42**

**Tên học phần:** *Nghiep vụ nhà hàng*

**Mã học phần:** TAN4662

**Số tín chỉ:** 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Nghiệp vụ nhà hàng trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về nhà hàng và nghiệp vụ phục vụ trong nhà hàng như các kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng. Học phần này giúp sinh viên có kỹ năng phục vụ trong nhà hàng từ chuẩn bị vệ sinh nhà hàng và diện mạo nhân viên cho đến các quy trình phục vụ khách hàng trong quá trình ăn uống và dọn dẹp, thanh toán cho khách hàng. Ngoài ra, sinh viên còn thái độ đúng đắn và quan điểm rõ ràng trong việc tuân thủ nguyên tắc vệ sinh trong phục vụ đồ ăn thức uống tại nhà hàng, hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

#### **Học phần 43**

***Tên học phần: Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khỏe***

*Mã học phần: TAN4742*

*Số tín chỉ: 02*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khỏe cung cấp cho người học một cách nhìn tổng quan về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nói chung và dịch vụ Spa nói riêng. Nội dung học phần bao gồm những vấn đề cơ bản như: khái niệm về quản trị dịch vụ Spa và chăm sóc sức khỏe; lập kế hoạch phát triển dịch vụ Spa và chăm sóc sức khỏe; quản lý nhân sự trong Spa; phân tích hiệu quả kinh doanh của dịch vụ Spa và chăm sóc sức khỏe cũng như cách thức xử lý một số tình huống cụ thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa và chăm sóc sức khỏe. Học phần này giúp sinh viên bổ sung thêm kiến thức về các hoạt động chăm sóc sức khỏe và kỹ năng quản lý một Spa trong kinh doanh khách sạn, từ đó có khả năng lên kế hoạch phát triển các mô hình dịch vụ Spa và chăm sóc sức khỏe cụ thể. Học phần cũng giúp sinh viên định hướng phát triển nghề nghiệp một cách rõ ràng hơn trong tương lai.

#### **Học phần 44**

***Tên học phần: Quản trị nhà hàng***

*Mã học phần: TAN4892*

*Số tín chỉ: 02*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị nhà hàng trang bị các kiến thức trọng tâm về lĩnh vực kinh doanh nhà hàng ở góc độ quản trị như: tổng quan và xu hướng phát triển của ngành nhà hàng và dịch vụ ăn uống; hoạt động quản trị trong các lĩnh vực tổ chức hoạt động phục vụ, nhân sự, marketing, chất lượng dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, thực đơn; xây dựng mục tiêu, kế hoạch kinh doanh và quản lý chi phí, giá bán trong nhà hàng độc lập hoặc thuộc các cơ sở lưu trú. Học phần góp phần xây dựng cho người học kỹ năng phục vụ nhà hàng cơ bản; tư duy và kỹ năng quản lý; khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá vấn đề, đề xuất các phương án quản trị nhằm giải quyết các tình huống cơ bản của kinh doanh nhà hàng. Hình thành cho người học khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp một cách chuyên nghiệp, ý thức chủ động phát triển năng lực nghề nghiệp bản thân và trách nhiệm trong công việc. Học phần giúp người học củng cố và vận dụng tổng hợp kiến thức của một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức ngành.

#### **Học phần 45**

***Tên học phần: Quản trị doanh nghiệp du lịch và khách sạn***

*Mã học phần: TAN4762*

*Số tín chỉ: 02*



*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị doanh nghiệp du lịch và khách sạn giúp người học hiểu rõ về doanh nghiệp, nắm được bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh. Vai trò của hệ thống kinh doanh đối với sự phát triển của các doanh nghiệp du lịch. Hiểu tổng quát về quản trị, kế hoạch hóa, lãnh đạo, chức năng kiểm tra. Các vấn đề về quản trị marketing, quản trị nhân sự, quản lý cung ứng, chất lượng và lập kế hoạch kinh doanh đối với một doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

#### **Học phần 46**

**Tên học phần:** *Quản trị du lịch MICE*

**Mã học phần:** TAN4702

**Số tín chỉ:** 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị du lịch MICE trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình du lịch MICE, đặc điểm của thị trường, marketing (tập trung vào phát triển sản phẩm, xúc tiến hỗn hợp du lịch MICE), quản lý du lịch MICE (quản lý hoạt động, quản trị rủi ro) và xu hướng phát triển của du lịch MICE. Đồng thời cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch và tổ chức, quản lý hoạt động du lịch MICE. Học phần giúp sinh viên thành thạo các kỹ năng mềm cần thiết trong du lịch và hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

#### **Học phần 47**

**Tên học phần:** *Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*

**Mã học phần:** TAN4802

**Số tín chỉ:** 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về chất lượng hay chất lượng dịch vụ, đánh giá và quản trị cũng như cải tiến chất lượng trong dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch và khách sạn và vận dụng trong các doanh nghiệp dịch vụ hiện nay. Học phần này giúp sinh viên có kỹ năng phân tích và vận dụng, tư duy sáng tạo các khái niệm, các nguyên tắc và cách đánh giá chất lượng dịch vụ, vận dụng các công đoạn trong quản trị chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, sinh viên còn thái độ đúng đắn và quan điểm rõ ràng trong công tác quản trị chất lượng dịch vụ trong thực tế, hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

#### **Học phần 48**

**Tên học phần:** *Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch và khách sạn*

**Mã học phần:** ICT3433

**Số tín chỉ:** 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch và khách sạn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro trong bối cảnh ngành du lịch có tính liên ngành và nhạy cảm cao với các biến động kinh tế, xã hội và chính trị. Nội dung học phần tập trung vào nhận diện, phân tích và đánh giá các loại rủi ro trong hoạt động du lịch và khách sạn, đặc biệt trong lĩnh vực lữ hành. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và công cụ lập kế hoạch quản trị rủi ro, ứng phó và phục hồi sau rủi ro,

góp phần nâng cao năng lực quản lý và đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và điềm đến du lịch.

#### **Học phần 49**

**Tên học phần:** *Đàm phán kinh doanh*

**Mã học phần:** EMM4052

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Đàm phán kinh doanh là học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về đàm phán trong lĩnh vực du lịch và khách sạn. Nội dung học phần bao gồm các nguyên lý cơ bản của đàm phán, các yếu tố ảnh hưởng, phong cách và mô hình đàm phán trong kinh doanh, cũng như quy trình tổ chức và triển khai một cuộc đàm phán. Học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng thông qua các tình huống thực tiễn, giúp sinh viên vận dụng hiệu quả các kỹ thuật đàm phán, xử lý linh hoạt các yếu tố văn hóa và nâng cao năng lực giao tiếp, thương lượng trong môi trường kinh doanh du lịch và khách sạn.

#### **Học phần 50**

**Tên học phần:** *Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện*

**Mã học phần:** EMM3582

**Số tín chỉ:** 02

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện giới thiệu những vấn đề cơ bản về tư duy và kỹ năng tư duy, các nguyên lý, quy trình và thủ thuật để hình thành thói quen và phát triển tư duy theo hướng sáng tạo, đa diện, rõ ràng và thuyết phục. Thông qua chuỗi các hoạt động học tập chủ động và trải nghiệm linh hoạt, gồm: động não (brainstorming), học dựa trên vấn đề (problem-based learning), thảo luận từng cặp (Think-pair-share), hoạt động nhóm (group-based learning) với các bước kiến tập, nghiên cứu trường hợp, viết báo cáo chiêm nghiệm và thuyết trình... người học sẽ được rèn luyện các kỹ năng quan trọng như: kỹ năng tự chủ trong đánh giá và đánh thức năng lực của bản thân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thấu cảm (nghiên cứu thực tiễn, phỏng vấn đối tượng, dẫn thân), kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và phát triển ý tưởng, kỹ năng thuyết trình và phản biện... Học phần cũng được lồng ghép các nội dung định hướng về phát triển bản thân, cộng đồng và ngành nghề, giúp người học có thái độ trân trọng các giá trị cốt lõi của bản thân, tôn trọng sự khác biệt và có ý thức xây dựng tập thể/cộng đồng vừa đa dạng vừa thống nhất. Từ đó, người học sẽ hình thành được nội động lực để không ngừng học tập, thói quen tư duy giải quyết hoặc đổi mới các vấn đề một cách sáng tạo, cũng như sử dụng hiệu quả tiềm năng trí tuệ của bản thân trong công việc và cuộc sống; hướng đến năng lực tự chủ, thích ứng tốt với những yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.

#### **Học phần 51**

**Tên học phần:** *Marketing số trong du lịch*

**Mã học phần:** ICT3483

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Marketing số trong du lịch giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về marketing số trong thời đại công nghệ 4.0. Học phần này bao gồm 3 đơn vị học trình, giúp sinh viên hiểu về khái niệm và cách thức thực hiện các công cụ marketing số phổ biến hiện nay. Sinh viên sẽ học các nội dung liên quan đến marketing số, khách hàng số, các công cụ marketing số cũng như cách lên kế hoạch marketing số trong tương lai. Bên

canh đó, sinh viên cũng sẽ biết cách thực hiện và lựa chọn các công cụ marketing phù hợp với chiến lược trong thực tế. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, và triển khai kế hoạch marketing số. Người học sẽ có khả năng áp dụng kiến thức đã học để thực hiện việc lập kế hoạch marketing số từ bước đầu tiên phân tích hình hình, xác định mục tiêu, lên chiến lược, sử dụng các công cụ phù hợp cho đến thực hiện và kiểm soát một kế hoạch hoàn chỉnh. Đồng thời, người học sẽ hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm gồm hình thành thái độ nghiêm túc, tham gia hoạt động học tập, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề liên quan đến marketing số. Chất lượng và sự tham gia tích cực sẽ được đánh giá và tính vào điểm môn học.

## **Học phần 52**

**Tên học phần:** *Kinh doanh số trong khách sạn – nhà hàng*

**Mã học phần:** QKN3513

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về kinh doanh số trong thời đại công nghệ 4.0 trong khách sạn - nhà hàng. Học phần này bao gồm 3 đơn vị học trình, giúp sinh viên hiểu về khái niệm và cách thức thực hiện các công cụ bán hàng, marketing và các hoạt động số phổ biến hiện nay được sử dụng trong khách sạn - nhà hàng. Sinh viên sẽ học các nội dung liên quan đến kinh doanh số, các công cụ bán hàng số, các công cụ marketing số, các hoạt động số, cũng như cách lên kế hoạch kinh doanh số trong ngành khách sạn - nhà hàng. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ biết cách thực hiện và lựa chọn các công cụ bán hàng, marketing, hoạt động số phù hợp với chiến lược kinh doanh trong thực tế. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, và triển khai kế hoạch kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng. Người học sẽ có khả năng áp dụng kiến thức đã học để thực hiện việc lập kế hoạch kinh doanh số từ bước đầu tiên phân tích hình hình, xác định mục tiêu, lên chiến lược, sử dụng các công cụ phù hợp cho đến thực hiện và kiểm soát một kế hoạch hoàn chỉnh cho khách sạn - nhà hàng. Đồng thời, người học sẽ hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm gồm hình thành thái độ nghiêm túc, tham gia hoạt động học tập, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề liên quan đến kinh doanh số trong khách sạn - nhà hàng. Chất lượng và sự tham gia tích cực sẽ được đánh giá và tính vào điểm môn học.

## **Học phần 53**

**Tên học phần:** *Phân tích dữ liệu kinh doanh du lịch*

**Mã học phần:** QKN3703

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Phân tích dữ liệu kinh doanh du lịch cung cấp các kiến thức liên quan đến việc chuyển sang phân tích dữ liệu để đánh giá và cải thiện các quyết định kinh doanh của các doanh nghiệp. Khả năng thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu để đưa ra các quyết định quan trọng là một kỹ năng quan trọng đối với sinh viên trong lĩnh vực kinh doanh du lịch hiện đại. Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên về vai trò của dữ liệu và thông tin trong việc ra quyết định của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được cung cấp các tiếp cận khác nhau trong phân tích kinh doanh, cho họ thấy các ứng dụng thực tế của phân tích kinh doanh để giải quyết các vấn đề trong kế toán, kinh tế, tài chính, khách sạn, quản lý và tiếp thị. Học phần cũng sẽ giới thiệu cho sinh viên một số kỹ thuật thống kê cơ bản và phần mềm bảng tính Excel để phân tích các vấn đề kinh doanh cụ thể.

## **Học phần 54**

**Tên học phần:** *Du lịch số*

*Mã học phần:* ICT3433

*Số tín chỉ:* 03

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Du lịch số sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch. Từ các khái niệm chung đến các lĩnh vực cụ thể như: khách sạn, nhà hàng, hoạt động đặt tour... Học phần sẽ góp phần nâng cao kiến thức công nghệ cho sinh viên, cũng như có khả năng vận dụng các kiến thức đã học trong phát triển kinh tế, xã hội về du lịch. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thành thạo hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm của cá nhân, thái độ cầu thị, tinh thần cầu tiến, hoàn thiện bản thân, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức định hướng phát triển nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với tổ chức, doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

### **Học phần 55**

***Tên học phần: Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến***

*Mã học phần:* ICT3532

*Số tín chỉ:* 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến (eCRM) trang bị những kiến thức cơ bản về eCRM bao gồm các giai đoạn phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong du lịch; các ứng dụng ICT trong du lịch; tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng (CRM); tổng quan về eCRM và triển khai CRM trong doanh nghiệp. Học phần tập trung nghiên cứu những xu hướng ứng dụng CRM và eCRM trong các ngành liên quan đến du lịch để nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tiếp cận với các bài tập nghiên cứu tình huống (case study), một số hệ thống CRM trong quản lý doanh nghiệp kinh doanh du lịch để có thể hiểu hơn về hiệu quả hoạt động và vai trò của việc áp dụng CRM vào hoạt động của doanh nghiệp du lịch. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá, phản biện, vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn về Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), CRM và eCRM trong kinh doanh thông minh và kinh doanh du lịch; kỹ năng chuyên môn, phân tích, tổng hợp, hoạch định chiến lược ứng dụng CRM và eCRM trong kinh doanh du lịch, đồng thời có kỹ năng đánh giá để giải quyết những vấn đề thực tế liên quan đến chiến lược ứng dụng CRM và e CRM; Xây dựng tư duy đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực du lịch. Đồng thời, trau dồi các năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức; vận dụng linh hoạt các kiến thức liên quan đến CRM và eCRM trong du lịch vào môi trường kinh doanh du lịch điện tử; và tiếp nhận sự cần thiết của đạo đức nghề nghiệp, có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức ngành giúp sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu các học phần như Quản lý hệ thống thông tin du lịch, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin du lịch, Quản trị cơ sở dữ liệu du lịch. Đồng thời, cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên tiếp thu kiến thức của các học phần của các chuyên ngành Kinh doanh số và Marketing số, cụ thể như Quản trị thương hiệu trực tuyến, Kinh doanh số trong du lịch, Marketing số trong du lịch.

### **Học phần 56**

***Tên học phần: Dự báo du lịch***

*Mã học phần:* QKN3712

*Số tín chỉ:* 02

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Dự báo du lịch cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản và ứng dụng về các phương pháp dự báo trong lĩnh vực du lịch, từ truyền thống đến hiện đại.

Nội dung học phần bao gồm các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, mô hình hồi quy, chuỗi thời gian, đến các mô hình học máy (machine learning) như Random Forest, mạng nơ-ron và đặc biệt là ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo xu hướng du lịch và hành vi khách hàng. Sinh viên sẽ được rèn luyện tư duy hệ thống, kỹ năng xử lý và trực quan hóa dữ liệu, sử dụng phần mềm chuyên dụng (Excel, R, Python, Power BI), và phân tích dữ liệu thực tế từ các nguồn truyền thông và phi truyền thông (Google Trends, mạng xã hội, OTA...). Học phần đóng vai trò nền tảng hỗ trợ các môn như Quản trị điểm đến, Marketing du lịch, Kinh tế du lịch và Hoạch định chiến lược, góp phần hình thành năng lực ra quyết định dựa trên dữ liệu cho sinh viên ngành du lịch trong bối cảnh số hóa.

### **Học phần 57**

**Tên học phần:** *Quản trị chuỗi khách sạn quốc tế*

**Mã học phần:** TAN4883

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị chuỗi khách sạn quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cơ cấu tổ chức, mô hình vận hành, chiến lược kinh doanh và xu hướng phát triển của các chuỗi khách sạn đa quốc gia. Sinh viên sẽ hiểu rõ cách các tập đoàn khách sạn quốc tế được hình thành, quản trị và vận hành hiệu quả trên quy mô toàn cầu; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá và ứng dụng các mô hình quản trị phù hợp trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa ngành du lịch – khách sạn. Đồng thời, học phần cũng hướng đến việc phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng quản lý vận hành, tiếp cận công nghệ hiện đại và nắm bắt các xu hướng mới của ngành, tạo tiền đề cho sinh viên tham gia làm việc, nghiên cứu hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực chuỗi khách sạn quốc tế..

### **Học phần 58**

**Tên học phần:** *Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách sạn*

**Mã học phần:** TAN4393

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh khách sạn là học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổ chức, quản lý và tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong hoạt động khách sạn. Nội dung học phần tập trung vào các hoạt động như dự báo nhu cầu, mua hàng, quản lý tồn kho, lựa chọn và đánh giá nhà cung cấp, logistics và kiểm soát chi phí. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của chuỗi cung ứng trong nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, đồng thời rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, phối hợp và kiểm soát các dòng cung ứng trong môi trường kinh doanh khách sạn.

### **Học phần 59**

**Tên học phần:** *Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn*

**Mã học phần:** TAN4903

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn thuộc kiến thức chuyên ngành của Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh phòng và các dịch vụ, quản trị và tối đa hoá doanh thu trong khách sạn. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các chỉ tiêu trong quản lý quỹ phòng, các chính sách về giá, khai thác các kênh phân phối, thị trường khách hàng và đối thủ cạnh tranh của khách sạn, các phương pháp tối đa hoá doanh thu, dữ liệu kinh doanh và hoạt động dự báo trong kinh doanh khách sạn. Bên cạnh đó, thông qua các bài tập, tình huống trong kinh doanh khách sạn, học phần giúp người học có thể tính toán

được một số chỉ tiêu liên quan cơ bản, tư duy linh hoạt và đề xuất các phương án bán phòng, đánh giá các chiến lược, chính sách giá và hiệu quả của hoạt động kinh doanh khách sạn.

### **Học phần 60**

**Tên học phần:** *Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn*

**Mã học phần:** TAN4913

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn cung cấp những kiến thức, những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược trong ngành du lịch và khách sạn. Học phần đề cập những nội dung và kỹ thuật phân tích đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc phân tích và hoạch định chiến lược trong du lịch, làm rõ sứ mạng và mục tiêu mà một tổ chức du lịch theo đuổi. Cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật phân tích và xây dựng các chiến lược kinh doanh trong tổ chức du lịch cùng các vấn đề liên quan công tác triển khai, kiểm soát chiến lược của doanh nghiệp du lịch.

### **Học phần 61**

**Tên học phần:** *Thực tế hướng nghiệp*

**Mã học phần:** TTH3233

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần *Thực tế hướng nghiệp* giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch – khách sạn như khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, điểm đến du lịch. Thông qua các buổi tham quan, khảo sát và làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành, yêu cầu nghề nghiệp và cơ hội việc làm trong ngành. Học phần góp phần định hướng nghề nghiệp, phát triển kỹ năng quan sát, giao tiếp và làm việc nhóm, đồng thời giúp sinh viên liên hệ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn, từ đó nâng cao động lực học tập và chuẩn bị tốt hơn cho quá trình hội nhập nghề nghiệp.

### **Học phần 62**

**Tên học phần:** *Thực tập nghiệp vụ*

**Mã học phần:** TTH3043

**Số tín chỉ:** 03

**Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Thực tập nghiệp vụ sẽ được thực hiện tại doanh nghiệp với các phần việc: quan sát và nắm rõ quy trình làm việc tại doanh nghiệp. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết thực tế về cách thức vận hành và các công việc tại doanh nghiệp du lịch như: nhà hàng, khách sạn, công ty lữ hành, công ty tổ chức sự kiện,... Sinh viên sẽ tham gia vào quy trình thực hiện các công việc thực tế tại doanh nghiệp và các vị trí tương ứng theo sự phân công của bộ phận quản lý trực tiếp. Qua đó, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quan sát và xử lý tình huống trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, đồng thời hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm khi thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, chấp hành kỷ luật lao động và an toàn, chuyên cần.

### **Học phần 63**

**Tên học phần:** *Thực tập quản lý*

**Mã học phần:** TTH3103

**Số tín chỉ:** 03

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Thực tập quản lý sẽ bố trí, sắp xếp cho sinh viên tham gia làm việc trực tiếp tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch để rèn luyện và nắm bắt được quy trình quản lý, hoạt động cơ bản của cơ quan, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch; nắm bắt các kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp... thông qua các hoạt động cụ thể tại đơn vị được bố trí thực tập. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ có được các kiến thức cơ bản về các hoạt động quản lý trong lĩnh vực du lịch nói chung và một số lĩnh vực có liên quan như marketing, tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng... Đồng thời xây dựng và hoàn thiện các kỹ năng quan sát, giao tiếp, xử lý tình huống...; rèn luyện tinh thần làm việc kỷ luật, chuyên cần và có tác phong, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tận tình...

#### **Học phần 64**

***Tên học phần: Thực tập tăng cường***

*Mã học phần: QKN5733*

*Số tín chỉ: 03*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Học phần Thực tập tăng cường nhằm tạo thêm cơ hội tiếp cận thực tiễn và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên thông qua quá trình trải nghiệm trực tiếp tại các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp trong nước và quốc tế. Sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động vận hành chuyên môn như lễ tân, buồng phòng, F&B, kinh doanh – marketing dưới sự hướng dẫn của đội ngũ quản lý doanh nghiệp. Học phần không chỉ giúp củng cố và vận dụng kiến thức đã học, mà còn tăng cường khả năng thích ứng, phát triển tư duy phản biện và rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp trong môi trường dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế. Đây là nền tảng thiết yếu giúp sinh viên định hướng rõ ràng hơn con đường nghề nghiệp và chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường lao động chất lượng cao trong ngành du lịch – khách sạn.

#### **Học phần 65**

***Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp***

*Mã học phần: QKN4337*

*Số tín chỉ: 07*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên. Đây là một học phần quan trọng nhằm đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt quá trình học tập tại trường. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện các nghiên cứu về một số các vấn đề về phát triển du lịch của quốc gia, vùng và địa phương, cũng như các nghiên cứu liên quan đến kinh doanh của doanh nghiệp du lịch – dịch vụ. Trong đó, một số nội dung sinh viên cần thực hiện: giới thiệu về tổ chức, doanh nghiệp, địa phương; tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình phát triển du lịch địa phương; phân tích vấn đề nghiên cứu liên quan đến nội dung nghiên cứu, và đề xuất các giải pháp giúp giải quyết các vấn đề trên.

#### **Học phần 66**

***Tên học phần: Dự án kinh doanh ứng dụng***

*Mã học phần: TAN4927*

*Số tín chỉ: 07*

*Mô tả vắn tắt nội dung học phần:*

Dự án kinh doanh ứng dụng là học phần thực hành tích hợp dành cho sinh viên ngành Quản trị Du lịch và Khách sạn. Học phần nhằm tạo điều kiện để sinh viên vận

dụng các kiến thức chuyên ngành đã tích lũy trong suốt quá trình học tập để xây dựng, triển khai và đánh giá một dự án kinh doanh cụ thể gắn với lĩnh vực du lịch – khách sạn. Đây là học phần mang tính ứng dụng cao, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy chiến lược, lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giải quyết vấn đề trong bối cảnh thực tiễn.

Sinh viên thực hiện dự án dưới hình thức cá nhân hoặc nhóm, tập trung vào các nội dung như: xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch – khách sạn mới; cải tiến hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp thực tế; phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với văn hóa – địa phương; thiết kế tour du lịch trải nghiệm; hoặc đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và quản trị vận hành tại cơ sở lưu trú, công ty lữ hành.

Trong quá trình thực hiện, sinh viên cần tiến hành khảo sát thực tế, phân tích hiện trạng và xu hướng thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, lập kế hoạch marketing – tài chính – nhân sự, và trình bày giải pháp triển khai khả thi. Kết quả học phần được đánh giá thông qua báo cáo viết và phần trình bày – phản biện trước hội đồng chuyên môn.

### **5. Đề cương chi tiết các học phần**

Thực hiện theo Quyết định số 1420/QĐ-ĐHH ngày 26 tháng 08 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn hệ chính quy trình độ đại học sau khi rà soát, cập nhật của Trường Du lịch – Đại học Huế.



## 6. Đối sánh với các chương trình đào tạo

### ❖ Đối sánh các chương trình đào tạo cùng ngành trong nước

| STT | Nội dung                   | Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên                                                                                                                                                                                                                  | Đại học Duy Tân                                                                                                                                                                          | Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội                                                                                                                                                                                                                                                            | Đại học Kinh tế Quốc dân                                                                                                                                                                                                 | Đại học Hoa Sen                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Thời gian đào tạo</b>   | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị du lịch và khách sạn-<br>Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)                                                                                                                                                            | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị du lịch và khách sạn chuẩn PSU)                                                                                                                                | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị khách sạn)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị khách sạn)                                                                                                                                                                                     | 4 năm (Ngành: Quản trị khách sạn)                                                                                                                                                                                        |
| 2   | <b>Số tín chỉ</b>          | 122 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                          | 129 tín chỉ                                                                                                                                                                              | 133 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 129 tín chỉ                                                                                                                                                                                                              | 142 tín chỉ                                                                                                                                                                                                              |
| 3   | <b>Số lượng học phần</b>   | - 47 học phần,<br>- 1 thực tập tốt nghiệp,<br>- 1 thực tập nghề nghiệp<br>- 1 thực tập nhận thức nghề nghiệp                                                                                                                                         | - 71 học phần (bắt buộc và tự chọn),<br>- 1 thực tập nghề nghiệp,<br>- 1 khóa luận                                                                                                       | - 73 học phần (bắt buộc + tự chọn),<br>- 01 thực tập tốt nghiệp,<br>- 01 khóa luận tốt nghiệp                                                                                                                                                                                                              | - 46 học phần                                                                                                                                                                                                            | - 47 học phần                                                                                                                                                                                                            |
| 4   | <b>Cấu trúc khung CTĐT</b> | 1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ<br>+ Lý luận Chính trị: 11 tín chỉ;<br>+ Khoa học Xã hội và Nhân văn: 9 tín chỉ;<br>+ Tiếng Anh: 10 tín chỉ;<br>+ Tin học ứng dụng: 3 tín chỉ;<br>+ Giáo dục thể chất: 90 tiết;<br>2. Kiến thức giáo dục | 1. Kiến thức giáo dục đại cương: 51 tín chỉ<br>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90<br>- Kiến thức kinh tế: 8<br>- Kiến thức thống kê: 3<br>- Kiến thức du lịch và lễ hành: 8 tín chỉ | 1. Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh): 16 tín chỉ<br>2. Khối kiến thức theo lĩnh vực (chưa tính Kỹ năng bổ trợ): 29 tín chỉ<br>+ Bắt buộc: 23 tín chỉ<br>+ Tự chọn: 6/18 tín chỉ<br>3. Khối kiến thức theo khối ngành: 26 tín chỉ<br>+ Bắt buộc: 17 tín chỉ | 1. Triết học Mác - Lênin<br>2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>3. Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam<br>5. Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>6. Ngoại ngữ<br>7. Giáo dục thể chất<br>8. Giáo dục Quốc | 1. Triết học Mác - Lênin<br>2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>3. Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam<br>5. Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>6. Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu<br>7. Kỹ năng mềm: kỹ |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | chuyên nghiệp: 89 tín chỉ<br>- Kiến thức ngành: 25 tín chỉ<br>- Kiến thức chuyên ngành: 42 tín chỉ<br>+ Kiến thức về khách sạn: 20 tín chỉ;<br>+ Kiến thức về lễ hành: 22 tín chỉ;<br>- Thực tập: 12 tín chỉ<br>- Khóa luận: 10 tín chỉ<br>- Tổng cộng: 122/165 tín chỉ | - Kiến thức quản trị thuần túy: 5<br>- Kiến thức marketing: 6<br>- Kiến thức hệ thống thông tin 3:<br>Kiến thức kế toán: 9<br>- Kiến thức hành vi tổ chức: 3<br>- Kiến thức quản trị nguồn nhân lực: 3<br>- Kiến thức tài chính: 3<br>- Tiếng Anh chuyên ngành: 6<br>- Luật: 4:<br>- Âm thực, nhà hàng, khách sạn: 16<br>- Cơ sở vật chất KS-NH: 6<br>- Tài chính-thống kê: 6<br>- Thực tập: 05 tín chỉ<br>- Khóa luận: 05 tín chỉ | + Tự chọn: 9/27 tín chỉ<br>4. Khối kiến thức của nhóm ngành: 15 tín chỉ<br>+ Bắt buộc: 9 tín chỉ<br>+ Tự chọn: 6/21 tín chỉ<br>5. Khối kiến thức ngành: 47 tín chỉ<br>+ Bắt buộc: 30 tín chỉ<br>+ Tự chọn: 9/21 tín chỉ<br>+ Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 8 tín chỉ | phòng và An ninh<br>9. Kinh tế vi mô 1<br>10. Kinh tế vĩ mô 1<br>11. Pháp luật đại cương<br>12. Toán cho các nhà kinh tế<br>13. Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội<br>14. Nguyên lý kế toán<br>15. Marketing căn bản<br>16. Quản lý học<br>17. Phát triển nghề nghiệp ngành Quản trị khách sạn<br>18. Kinh tế du lịch<br>19. Lịch sử văn hóa Việt Nam<br>20. Quản trị nhân lực<br>21. Du lịch có trách nhiệm<br>22. Quản trị nghiệp vụ lễ tân khách sạn<br>23. Quản trị nghiệp vụ buồng khách sạn<br>24. Quản trị nghiệp vụ ăn uống<br>25. Thực tập nghiệp vụ khách sạn | năng làm việc hiệu quả<br>8. Giới và phát triển tại Việt Nam<br>9. Con người và môi trường<br>10. Triết học trong cuộc sống<br>11. Đạo đức nghề nghiệp<br>12. Truyền thông đại chúng và xã hội<br>13. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài<br>14. Giao tiếp liên văn hóa<br>15. Tâm lý học – Khái niệm và ứng dụng<br>16. Công tác xã hội nhập môn<br>17. Nguyên lý thống kê<br>18. Tin học ứng dụng khối ngành Du lịch – Khách sạn – Nhà hàng.<br>19. Anh văn giao tiếp quốc tế<br>20. Ngoại ngữ 21.<br>Tổng quan du lịch và |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  | <p>26. Kinh doanh du lịch trực tuyến E-tourism</p> <p>27. Quản trị kinh doanh khách sạn</p> <p>28. Quản trị kinh doanh nhà hàng</p> <p>29. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch</p> <p>30. Quản trị Marketing trong du lịch và khách sạn</p> <p>31. Giám sát khách sạn</p> <p>32. Quản trị an ninh an toàn trong khách sạn</p> <p>33. Quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn</p> <p>34. Tiếng Anh ngành du lịch và khách sạn</p> <p>35. Quản trị doanh thu trong kinh doanh khách sạn</p> <p>36. Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn</p> <p>37. Quản trị nhân lực trong du lịch và khách sạn</p> <p>38. Quản trị điểm đến</p> | <p>khách sạn</p> <p>22. Kinh tế học trong du lịch và khách sạn – nhà hàng</p> <p>23. Nguyên lý kế toán</p> <p>24. Thương mại điện tử</p> <p>25. Kiến thức chung về bộ phận phòng</p> <p>26. Quản trị tiền sảnh</p> <p>27. Kỹ năng vận hành dịch vụ ẩm thực</p> <p>28. Văn hóa ẩm thực</p> <p>29. Sn toàn và vệ sinh</p> <p>30. Chăm sóc khách hàng trong môi trường toàn cầu</p> <p>31. Nguyên lý Marketing trong DL và KS-NH</p> <p>32. Kỹ năng kinh doanh trong KS-NH</p> <p>33. Hệ thống chính trị và các văn bản liên quan đến pháp luật</p> <p>34. Phát triển nhân sự trong DL và KS-NH</p> <p>35. Quản lý cơ sở vật chất ngành KS-NH</p> <p>36. Kỹ năng quản lý</p> |
|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  | du lịch<br>39. Quản trị tòa nhà<br>40. Quản trị MICE<br>41. Quản trị du thuyền<br>42. Văn hóa ẩm thực<br>43. Hành vi tiêu dùng trong du lịch<br>44. Pháp luật trong du lịch và khách sạn<br>45. Ngoại ngữ 2<br>46. Chuyên đề kinh doanh khách sạn | và lãnh đạo trong KS-NH<br>37. Tài chính trong KS-NH<br>38. Những xu hướng đương đại trong ngành KS-NH<br>39. Đặt chỗ và quản trị doanh thu<br>40. Kế hoạch phát triển khách sạn<br>41. Quản trị lưu trú<br>42. Nhập môn Quản trị sự kiện<br>43. Quản trị du lịch MICE<br>44. Quản lý dịch vụ ẩm thực<br>45. Cung ứng dịch vụ ăn uống<br>46. Đề án: Khảo sát ý kiến khách sạn<br>47. Đề án: Quản lý dự án DL và KS-NH |
|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

❖ *Đối sánh các chương trình đào tạo cùng ngành ở ngoài nước*

| STT | Nội dung | Califonia Lutheran University (Mỹ) | RMIT University Vietnam | Troy University, USA | Hotel management in Swiss Hotel Management School | Hotel Management in HongKong Polytechnic University |
|-----|----------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|-----|----------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

|          |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Thời gian đào tạo</b>   | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị Du lịch và khách sạn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 năm<br>(Ngành: Quản trị Du lịch và Khách sạn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4 năm (Ngành: Quản trị Du lịch và Khách sạn-Bao gồm 1 năm học tiếng Anh)                                                                                                                                                                                                                               | 3 năm<br>(Ngành: Quản trị Khách sạn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4 năm<br>(Ngành: Quản trị Khách sạn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>2</b> | <b>Số tín chỉ</b>          | 112 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 288 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 102 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Không đề cập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 121 hoặc 124 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>3</b> | <b>Số lượng học phần</b>   | - 25 học phần trong 4 module,<br>- 02 thực tập,<br>- 01 Khoá luận tốt nghiệp hoặc đề án kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                         | - 24 học phần<br>- 1 thực tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - 34 học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - 43 học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | - 33 học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>4</b> | <b>Cấu trúc khung CTĐT</b> | 1. Module kiến thức kinh doanh đại cương: 30 tín chỉ<br>2. Module kiến thức Du lịch – Khách sạn – Nhà hàng: 36 tín chỉ<br>3. Module kiến thức trách nhiệm – đạo đức kinh doanh: 8 tín chỉ<br>4. Module kiến thức chuyên sâu của ngành: 20 tín chỉ<br>5. Thực tập: 02 đợt thực tập: 14 tín chỉ<br>6. Khoá luận tốt nghiệp hoặc đề án kinh doanh: 10 tín chỉ | 1. Kiến thức giáo dục đại cương: 36/288 tín chỉ<br>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 168/288<br>3. Kiến thức tự chọn: 72 tín chỉ<br>4. Thực tập: 12<br><b>* Chia theo từng kỳ:</b><br><u>Năm 1:</u><br>Kỳ 1: 03 học phần<br>Kỳ 2: 03 học phần<br>Kỳ 3: 03 học phần<br><u>Năm 2:</u><br>Kỳ 4: 03 học phần<br>Kỳ 5: 03 học phần, trong đó có 02 học | Năm 1: Chương trình tiếng Anh<br>Năm 2: Các môn đại cương và cơ sở ngành<br>Năm 3: Các môn chuyên ngành<br>Năm 4: Các môn chuyên ngành và chương trình thực tập<br>1. Định hướng nghề nghiệp.<br>2. Đạo đức kinh doanh<br>3. Nói trước công chúng<br>4. Kỹ năng máy tính cơ bản<br>5. Đánh giá âm nhạc | <b>* Năm 1:</b><br>1. Lý thuyết Sản xuất và Phục vụ Thực phẩm & Đồ uống<br>2. Thực hành Sản xuất Thực phẩm & Đồ uống<br>3. Quản lý Thực phẩm & Đồ uống<br>4. Thực hành Phục vụ Thực phẩm & Đồ uống<br>5. Trải nghiệm Thực phẩm & Đồ uống và Thiết kế Nội thất<br>6. Học về Ngành Lữ hành<br>7. Rượu và Quầy bar<br>8. Nguyên tắc Kế toán<br>9. Giao tiếp Học thuật<br>10. Phát triển Cá nhân | 1. Môn Tiếng Anh (6 tín chỉ)<br>2. Môn Tính cách con người, Mối quan hệ và Phát triển (3 tín chỉ)<br>3. Môn Cộng đồng, Tổ chức và Toàn cầu hóa (3 tín chỉ)<br>4. Môn Lịch sử, Văn hóa và Quan điểm Thế giới (3 tín chỉ)<br>5. Môn Khoa học, Công nghệ và Môi trường (3 tín chỉ)<br>6. Hội thảo Đầu năm (3 tín chỉ)<br>7. Lãnh đạo và Phát triển Nội tâm (3 tín chỉ) |

|  |  |     |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--|--|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | chỉ | <p>phần tự chọn<br/>Kỳ 6: 03 học phần, trong đó có 01 học phần tự chọn</p> <p><u>Năm 3:</u><br/>Kỳ 7: 03 học phần, trong đó có 2 học phần tự chọn<br/>Kỳ 8: 02 học phần, trong đó có 01 học phần tự chọn<br/>Kỳ 9: Thực tập doanh nghiệp</p> | <p>6. Văn minh thế giới 1<br/>7. Kinh tế vĩ mô<br/>8. Toán cao cấp C1<br/>9. Nguyên lý thống kê<br/>10. Nhập môn quản trị du lịch.<br/>11. Quản trị học<br/>12. Nhập môn quản trị khách sạn<br/>13. Marketing căn bản<br/>14. Giải trí trong xã hội<br/>15. Văn minh thế giới 2<br/>16. Tâm lý học<br/>17. Kinh tế vi mô<br/>18. Quản trị tài chính du lịch và khách sạn I<br/>19. Marketing du lịch<br/>20. Nhập môn tổ chức nhà hàng<br/>21. Kinh doanh quốc tế<br/>22. Quản trị tài chính du lịch và khách sạn II<br/>23. Nhập môn hoạt</p> | <p>11. Nghệ thuật Xác định Cơ hội việc làm<br/>12. Ngôn ngữ (Tiếng Pháp hoặc Tiếng Đức)<br/>* <u>Năm 2:</u><br/>13. Cơ sở Vật lý và Thiết kế Nội thất II<br/>14. Kế toán Tài chính<br/>15. Giao tiếp Quản lý<br/>16. Quản lý Buồng phòng<br/>17. Quản lý Lễ tân và Dịch vụ Concierge<br/>18. Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu<br/>19. Hệ thống Thông tin Khách sạn<br/>20. Quản lý Sự kiện<br/>21. Quản lý Hoạt động Sự kiện<br/>22. Quản lý Lợi nhuận và Doanh thu<br/>23. Ngôn ngữ (Tiếng Pháp, Tiếng Đức hoặc Tiếng Tây Ban Nha)<br/>* <u>Năm 3:</u><br/>24. Trí tuệ Nhân tạo và Đổi mới Kỹ thuật số<br/>25. Dự án Quản lý<br/>26. Trách nhiệm Xã hội</p> | <p>8. Học hỏi qua Dịch vụ (3 tín chỉ)<br/>9. Giới thiệu về Tâm lý học hoặc Giới thiệu về Xã hội học (3 tín chỉ)<br/>10. Giới thiệu về Thống kê cho Kinh doanh (3 tín chỉ)<br/>11. Giao tiếp tiếng Trung cho Chuyên gia Lữ hành và Du lịch (2 tín chỉ)<br/>12. Giao tiếp tiếng Anh cho Quản lý Lữ hành và Du lịch (2 tín chỉ)<br/>13. Giới thiệu về Hoạt động Thực phẩm và Đồ uống (3 tín chỉ)<br/>14. Kế toán và Kiểm soát trong Quản lý Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)<br/>15. Quản lý Tổ chức trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)<br/>16. Tiếp thị trong Lữ hành, Du lịch và</p> |
|--|--|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  | <p>động khách sạn</p> <p>24. Quản trị nguồn nhân lực khách sạn và du lịch</p> <p>25. Kinh doanh quốc tế II</p> <p>26. Quản trị tài chính du lịch và khách sạn III</p> <p>27. Hoạt động khách sạn</p> <p>28. Quản trị nguồn nhân lực khách sạn và du lịch II</p> <p>29. Lãnh đạo trong quản trị du lịch, khách sạn và thể thao</p> <p>30. Văn học Mỹ</p> <p>31. Hóa học</p> <p>32. Quản lý sự kiện</p> <p>33. Lãnh đạo và sự thay đổi</p> <p>34. Vật lý</p> | <p>Doanh nghiệp</p> <p>27. Hội thảo và Vận chuyển cho Sự kiện</p> <p>28. Đề tài Nghiên cứu Độc lập</p> <p>29. Kinh tế Lữ hành</p> <p>30. Nhân sự và Lãnh đạo</p> <p>31. Quyết định Dựa trên Dữ liệu</p> <p>32. Quản lý Tiếp thị</p> <p>33. Kế toán Quản lý</p> <p>34. Ngôn ngữ (Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Quan Thoại hoặc Tiếng Tây Ban Nha)</p> <p>* <u>Năm 4:</u></p> <p>35. Phát triển Thực phẩm &amp; Đồ uống</p> <p>36. Quản lý Nhân sự và Chiến lược Kinh doanh</p> <p>37. Xu hướng Hiện đại</p> <p>38. Quản lý Chiến lược</p> <p>39. Lãnh đạo Xuyên qua Văn hóa</p> <p>40. Quản lý Khu nghỉ dưỡng và Spa</p> | <p>Sự kiện trong Kỹ nguyên Kỹ thuật số (3 tín chỉ)</p> <p>17. Cung cấp Chất lượng Dịch vụ (3 tín chỉ)</p> <p>18. Phân tích và Hiệu nghiên cứu (3 tín chỉ)</p> <p>19. Hành vi Người tiêu dùng trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)</p> <p>20. Quản lý Tài chính trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)</p> <p>21. Chiến lược Công nghệ trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)</p> <p>22. Quản lý Nhân sự trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)</p> <p>23. Đạo đức Kinh doanh, Trách nhiệm Xã hội và Luật (3 tín chỉ)</p> <p>24. Quản lý Chiến</p> |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |  |  |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--|--|--|--|--|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  | <p>Quốc tế</p> <p>41. Tiếp thị Kỹ thuật số</p> | <p>lược trong Lữ hành, Du lịch và Sự kiện (3 tín chỉ)</p> <p>25. Giới thiệu về Ngành Lữ hành (3 tín chỉ)</p> <p>26. Quản lý Khách sạn (3 tín chỉ)</p> <p>27. Khái niệm Quản lý trong Hoạt động Thực phẩm và Đồ uống (3 tín chỉ)</p> <p>28. Quản lý Nghi dưỡng và Chỗ ở (3 tín chỉ)</p> <p>29. Quản lý Doanh thu (3 tín chỉ)</p> <p>30. Phát triển Chuyên nghiệp trong Lữ hành (3 tín chỉ)</p> <p>31. Luận văn</p> <p>32. Quản lý Thực phẩm &amp; Đồ uống (6 tín chỉ)</p> <p>33. Doanh nghiệp khởi nghiệp và Đổi mới trong Lữ hành</p> |
|--|--|--|--|--|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



## 7. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

### 7.1. Các yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo

**Học phần:** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do Trường quy định.

Có ba loại học phần: học phần bắt buộc, học phần tự chọn bắt buộc và học phần tự chọn không bắt buộc.

#### **Học kì:**

Mỗi năm học có hai học kì chính và một học kì phụ. Mỗi học kì chính có 15 tuần học và từ 2 đến 4 tuần thi trong một đợt thi. Mỗi học kì phụ sẽ có tổ chức trong học kỳ hè.

#### **Khóa học:**

Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo chính quy ngành Quản trị du lịch và khách sạn là 8 học kì.

#### **Năm đào tạo:**

Sau mỗi học kì căn cứ vào số tín chỉ tích lũy (không kể các học phần ngoại ngữ, tự chọn tự do, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh và kỹ năng bổ trợ), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

| Năm   | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ tư |
|-------|--------------|-------------|------------|------------|
| Số TC | 34/46        | 36/42       | 31/49      | 23/39      |

#### **Thời khóa biểu:**

Trước khi học kì mới bắt đầu khoảng 2 tháng, Khoa gửi danh sách các học phần Chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn trong năm học lên Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên sẽ sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp.

### 7.2. Tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy

#### 7.2.1. Đối với đơn vị đào tạo

Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Trường và lưu tại văn phòng Khoa. Đầu mỗi học kì, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo.

Phân công giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan đến học phần) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

### **7.2.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung Đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

### **7.2.3. Đối với sinh viên**

- Sinh viên cần tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, câu lạc bộ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

## **8. Phương pháp giảng dạy và học tập**

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Cách thiết kế phương pháp của chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn đi theo hướng phát triển năng lực và quan điểm giáo dục lấy “Người học làm trung tâm”. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở trường và ở nhà.

Các phương pháp giảng dạy đa dạng, bao gồm: PP thuyết trình, PP giảng giải - minh họa, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP dạy học hợp tác, PP ôn tập, PP dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.

## **9. Phương pháp kiểm tra đánh giá**

Phương pháp đánh giá được Khoa Quản trị khách sạn – Nhà hàng lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học, đồng thời đảm bảo

đo lường được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo ngành Quản trị du lịch và khách sạn mong muốn người học đạt được.

Qua thực tế triển khai, Khoa Quản trị khách sạn – Nhà hàng lựa chọn phương thức đánh giá như sau: (tùy tính chất của từng học phần để lựa chọn trọng số phù hợp.)

Đánh giá quá trình (Đánh giá giữa thường xuyên và Đánh giá giữa kì): Trọng số  $\leq 50\%$

Đánh giá giữa kì cuối kì:  $\geq 50\%$ .

Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng bao gồm nhiều phương pháp khác nhau tùy theo tính chất, yêu cầu của mỗi học phần, gồm: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, báo cáo.

**TUQ. GIÁM ĐỐC  
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DU LỊCH**

**Trần Hữu Tuấn**